

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

# **ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI  
PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG  
MẠI VÀ VẬN TẢI AN PHÚ ĐÔNG**

**Chủ nhiệm đề tài: Bùi Thị Hằng**

HẢI PHÒNG, 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI  
PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG  
MẠI VÀ VẬN TẢI AN PHÚ ĐÔNG**

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

**Chủ nhiệm đề tài: Bùi Thị Hằng**

HẢI PHÒNG, 2013

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	4
1.1. Tổng quan về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	4
1.1.1 Tổng quan về chi phí.....	4
1.1.2. Tổng quan về doanh thu.....	7
1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	11
1.2. Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	11
1.2.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	11
1.2.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	13
1.2.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	13
1.2.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	14
1.3. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	33
1.4. Cơ sở của việc tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	33
1.4.1. Các yếu tố ảnh hưởng tới chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.....	33
1.4.2. Biện pháp tăng cường quản lý chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp. ..	34
<b>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI AN PHÚ ĐÔNG</b> .....	35
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.....	35
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại .....	35
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông .....	36

2.1.3. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán và hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty:.....	37
2.1.4. Những thuận lợi và khó khăn của công ty: .....	40
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.....	41
2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông. ..	41
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông. ....	53
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.....	61
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.....	69
2.2.5. Kế toán hoạt động khác tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông. ....	78
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông. ....	85
2.2.7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (báo cáo KQHĐKD):.....	96
2.3. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông. ....	99
2.3.1. Ưu điểm.....	99
2.3.2. Hạn chế.....	101
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI AN PHÚ ĐÔNG.</b>	<b>106</b>
3.1. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển của công ty trong thời gian tới. ....	106
3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.....	107
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông. ....	107
3.2.2. Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Công ty. ....	108

3.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	108
3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.....	109
<b>KẾT LUẬN</b> .....	120
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	122

# LỜI MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài.

Ngày nay, cùng với sự phát triển như vũ bão của nền kinh tế thế giới, nền kinh tế nước ta cũng có những bước phát triển mạnh mẽ hội nhập với khu vực và quốc tế. Với chính sách mở cửa nền kinh tế, Đảng và Nhà nước ta đã tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển không ngừng cả về chất và lượng. Đây là cơ hội tốt để các doanh nghiệp cạnh tranh phát triển tạo cho nền kinh tế sự đa dạng về hình thức kinh doanh, mặt hàng kinh doanh. Và đây cũng là một thách thức lớn đòi hỏi các doanh nghiệp không ngừng hoàn thiện bộ máy quản lý, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, áp dụng các hệ thống quản lý mới, sử dụng một cách tốt nhất, hiệu quả nhất các tiềm năng về sức người để tạo ra càng nhiều sản phẩm hàng hóa, dịch vụ với chất lượng cao, tạo ra được nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Mặt khác, sự phát triển của nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải có những đánh giá cụ thể hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Vậy dựa vào đâu để có thể biết được một doanh nghiệp là đang phát triển, có khả năng phát triển hay đứng trước nguy cơ phá sản – chính là thông qua các con số về tình hình tài chính của doanh nghiệp do kế toán thu thập, tổng hợp và cung cấp thông qua hệ thống báo cáo tài chính.

Một vấn đề nữa đặt ra cho các doanh nghiệp là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất nhưng chi phí bỏ ra là hợp lý nhất. Đây không phải là nhiệm vụ dễ, dàng nhất là trong nền kinh tế đag ngày càng phức tạp và gặp nhiều khó khăn như hiện nay.

Do đó, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp là rất quan trọng. Nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời sẽ cung cấp cho các nhà quản lý thông tin chính xác, kịp thời về kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện, đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của mình. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra những đối sách, chiến lược phù hợp.

Thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp hiện nay vẫn chưa được tốt, còn nhiều tồn tại. Cụ thể là qua thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn chưa thực sự hoàn thiện, rất cần những ý kiến đóng góp cho công tác này tốt hơn.

Vì vậy, do sự cần thiết về cả mặt lý luận và thực tiễn như trên nên sau một thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông em đã lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông”** là đề tài nghiên cứu khoa học của mình.

## **2. Mục tiêu của đề tài.**

- Làm rõ các vấn đề lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông, từ đó phân tích những điểm được và chưa được của thực trạng .
- Đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.**

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.
- Phạm vi nghiên cứu:
  - Tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.
  - Số liệu được phân tích là số liệu năm 2012

## **4. Phương pháp nghiên cứu.**

Việc nghiên cứu dựa trên các phương pháp:

- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp thống kê, so sánh

- Phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối.

## **5. Kết cấu của đề tài.**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của đề tài gồm 3 chương:

- **Chương 1:** *Hệ thống hóa những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*

- **Chương 2:** *Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.*

- **Chương 3:** *Một số giải pháp để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.*



# CHƯƠNG I:

## LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

### 1.1. Tổng quan về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

#### 1.1.1 Tổng quan về chi phí

##### 1.1.1.1. Khái niệm chi phí

Theo chuẩn mực số 01 “Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì: “chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

##### 1.1.1.2. Các loại chi phí

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tiền vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng...

#### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### **Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng là khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên

bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...

- Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, vận chuyển sản phẩm,... dùng cho bộ phận bán hàng.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương diện tính toán, phương diện làm việc,...

- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng,...

- Chi phí bảo hành: phản ánh khoản chi phí dùng để bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: dùng để phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi,...

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng,...

### **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho các cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm,... vật liệu sử dụng cho sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,...

- Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc,...

- Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua sử dụng tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,...

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí đã kể trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...

### **Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái...

### **Chi phí khác**

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Nội dung chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ( nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.

- Các khoản chi phí khác.

### **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao

gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

### **1.1.2. Tổng quan về doanh thu**

#### **1.1.2.1. Khái niệm doanh thu**

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ- BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính: “doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong thời kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu”.

#### **1.1.2.2. Phân loại doanh thu**

➤ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hóa, sản phẩm cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

➤ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Doanh thu tiêu thụ nội bộ là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới...

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền. Cụ thể:

○ **Tiền lãi:** là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền, các khoản tương đương tiền hoặc các khoản nợ doanh nghiệp như: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán...

○ **Tiền bản quyền:** là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản như: bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm máy vi tính...

○ **Cổ tức và lợi nhuận được chia:** là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

○ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

○ Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

○ Lãi tỷ giá hối đoái.

○ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.

o Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

➤ **Thu nhập khác:** thu nhập khác là khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu nhằm góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Nó bao gồm:

- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.

- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.

- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.

- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.

- Khoản nợ phải trả nay không xác định được chủ được ghi tăng thu nhập.

- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.

- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.

- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).

- Thu nhập là quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

- Các khoản thu khác ngoài các khoản nêu trên.

#### *1.1.2.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu*

Điều kiện ghi nhận doanh thu được phản ánh trong chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC.

#### ***Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Doanh nghiệp xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về

cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

#### *1.1.2.4. Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:*

- *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:* đây là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tài quầy hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp; sau khi người mua nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ, doanh thu được ghi nhận.

- *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận thanh toán:* Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán 1 phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu, doanh thu được ghi nhận.

- *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp:* là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

- *Tiêu thụ theo phương thức đại lý:* là phương thức mà bên bán chuyển giao cho bên nhận đại lý, khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi, doanh thu và giá vốn của hàng bán được ghi nhận.

- *Phương thức hàng đổi hàng:* là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa trên thị trường. Khi doanh nghiệp xuất hàng trao

đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, một tập đoàn hay một xí nghiệp...

#### 1.1.2.5. Các khoản giảm trừ doanh thu

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng, doanh nghiệp cần có những chế độ khuyến khích đối với những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ được hưởng chiết khấu thương mại, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá... Các khoản này phát sinh làm giảm phần doanh thu được gọi là các khoản giảm trừ doanh thu, gồm có:

- *Chiết khấu thương mại*: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại bên bán.

- *Hàng bán bị trả lại*: Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

- *Giảm giá hàng bán*: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp*:

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp sản xuất các loại sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp các loại dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng.

+ Thuế xuất khẩu cũng được coi là một khoản giảm trừ doanh thu, phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh thu của hàng hóa xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp được coi là một khoản giảm trừ doanh thu. Doanh thu của sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp đã bao gồm thuế

GTGT. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kỳ phải tương ứng với doanh thu đã xác định.

*Số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu được gọi là doanh thu thuần.*

### **1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm). Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: là kết quả của những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: là kết quả được tính bằng thu nhập khác trừ chi phí khác.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí bán hàng - Chi phí QLDN

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

## **1.2. Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

### **1.2.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh



thu, chi phí hay xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có rất nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết vai trò của mình đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Đây là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp. Ý nghĩa của việc tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với các bên liên quan được thể hiện như sau:

- Đối với doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

- Đối với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.

- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính trị quốc gia sẽ có cơ sở đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

- Đối với nhà đầu tư: thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có những

quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với các tổ chức tài chính trung gian: Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

- Đối với nhà cung cấp: Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán...

### ***1.2.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung và trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế, chi phí tiêu thụ thực tế trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp. Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp, từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất tiếp theo. Việc kế toán xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp giúp doanh nghiệp tiến hành tốt hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

### ***1.2.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo tiêu chí số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua – bán kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra đôn đốc và thu hồi tiền hàng, khách hàng nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, từng lô hàng, từng số tiền, thời hạn trả nợ và tình hình trả nợ

của khách hàng.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, từ đó đề xuất những chính sách ở tầm vĩ mô.

#### ***1.2.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

##### ***1.2.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.***

###### ***❖ Chứng từ sử dụng.***

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

###### ***❖ Tài khoản sử dụng.***

 **TK 511** – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

###### **➤ Bên Nợ:**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

###### **➤ Bên Có:**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 511 có 6 tiểu khoản cấp 2:
  - + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
  - + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
  - + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
  - + Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
  - + Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
  - + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

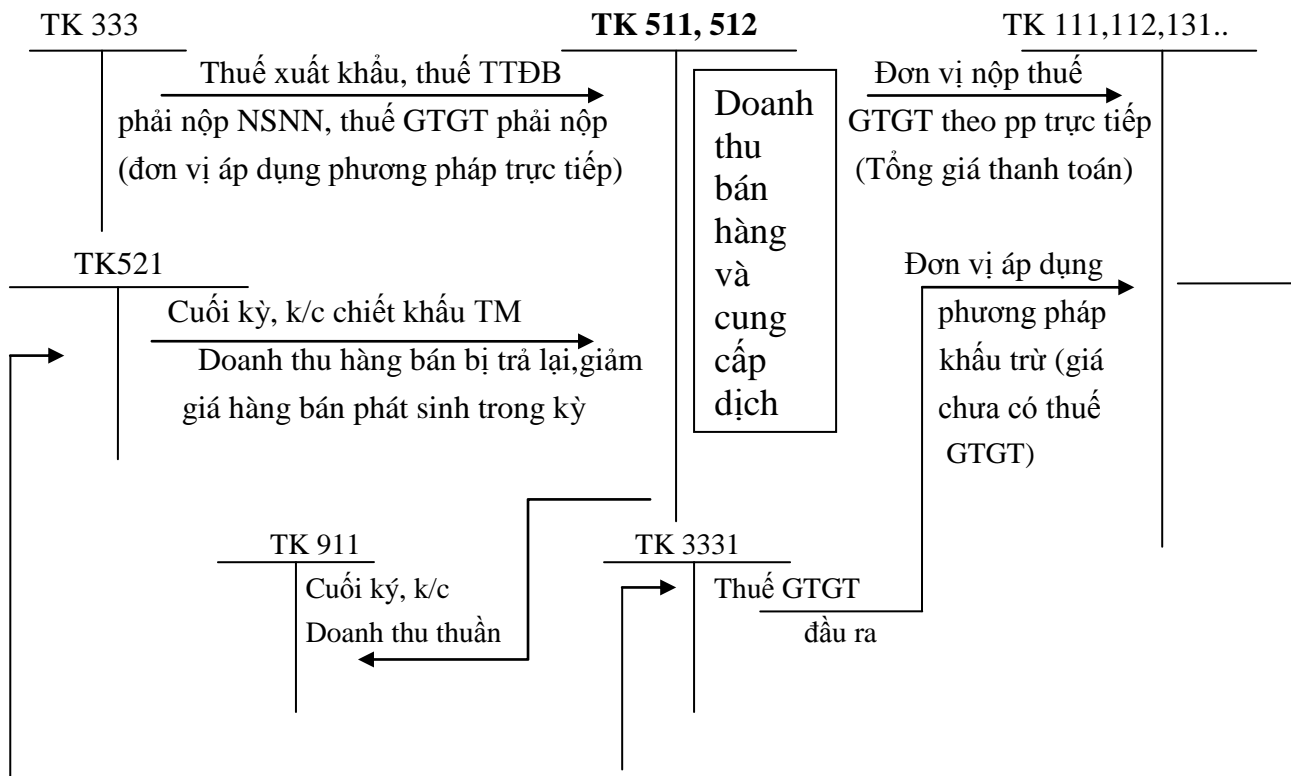
**🚩 Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Bên Nợ:
  - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
  - Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.
  - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
  - Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Bên Có:
  - Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
- Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:
  - Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hóa
  - Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm
  - Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

**❖ Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được khái quát bằng **sơ đồ 1.1**



Chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán bị trả lại hoặc GGHB phát sinh trong kỳ  
 Sơ đồ 1.1 – Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1.2.4.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

##### ❖ Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

##### ❖ Tài khoản sử dụng: TK 521

##### TK 5211 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo giá thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).

- Bên Nợ:
  - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.
- Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

**TK 5212** – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại ( tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 6421 “Chi phí bán hàng”.

- Bên Nợ:
  - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.
- Bên Có:
  - Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
- Tài khoản 5212 không có số dư cuối kỳ.

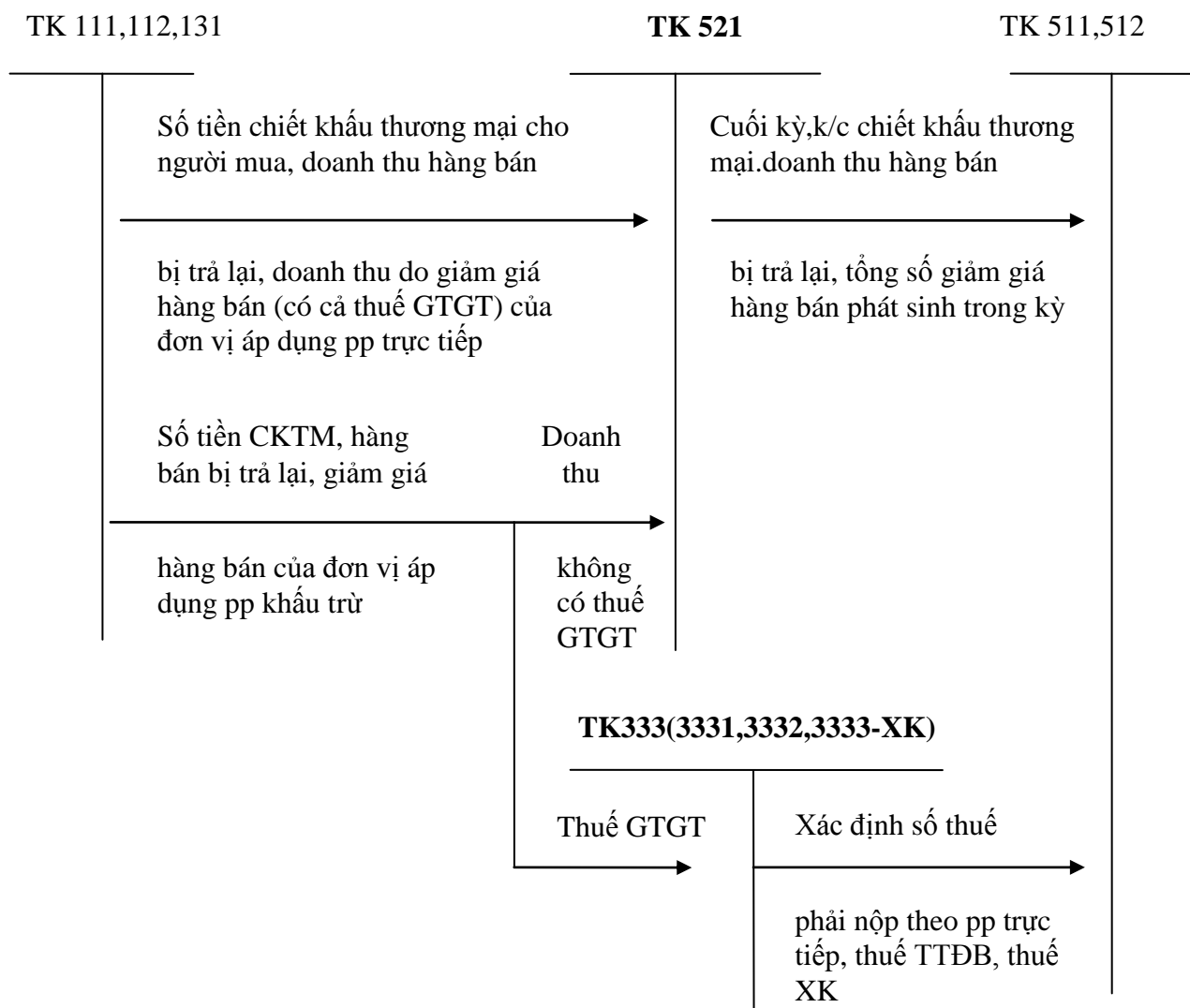
**TK 5213** – Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giá giảm sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn ( giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém phẩm chất,...

- Bên Nợ:
    - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.
  - Bên Có:
    - Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.
  - Tài khoản 5213 không có số dư cuối kỳ.
- ❖ Ngoài ra còn sử dụng **TK 333** “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK3332), thuế xuất khẩu (TK3333- XK).

### **Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát bằng sơ đồ 1.2



Sơ đồ 1.2 – Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

#### 1.2.4.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

##### ❖ Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ khác có liên quan

##### ❖ Tài khoản sử dụng.

- **TK 632** – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ,

bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp ( đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nội dung và kết cấu của Tài khoản 632 như sau:

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và cho phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.
  - Hoàn nhập chi phí: chi phí xuất dùng nhưng không dùng hết phải nhập lại kho.
  - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
  - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.
- Việc tính giá hàng xuất kho được áp dụng theo một trong bốn phương pháp sau:

- Phương pháp giá thực tế đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Theo phương pháp này, hàng được xác định giá theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập kho cho đến lúc xuất. Khi xuất lô hàng nào thì giá xuất sẽ được xác định theo giá thực tế đích danh của lô hàng đó.

- Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình (đơn giá bình quân) của từng loại hàng tồn kho trong tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình (đơn giá bình quân) có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp. Theo phương



pháp này:

○ Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

○ Nếu đơn giá được tính cho từng lần nhập được gọi là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

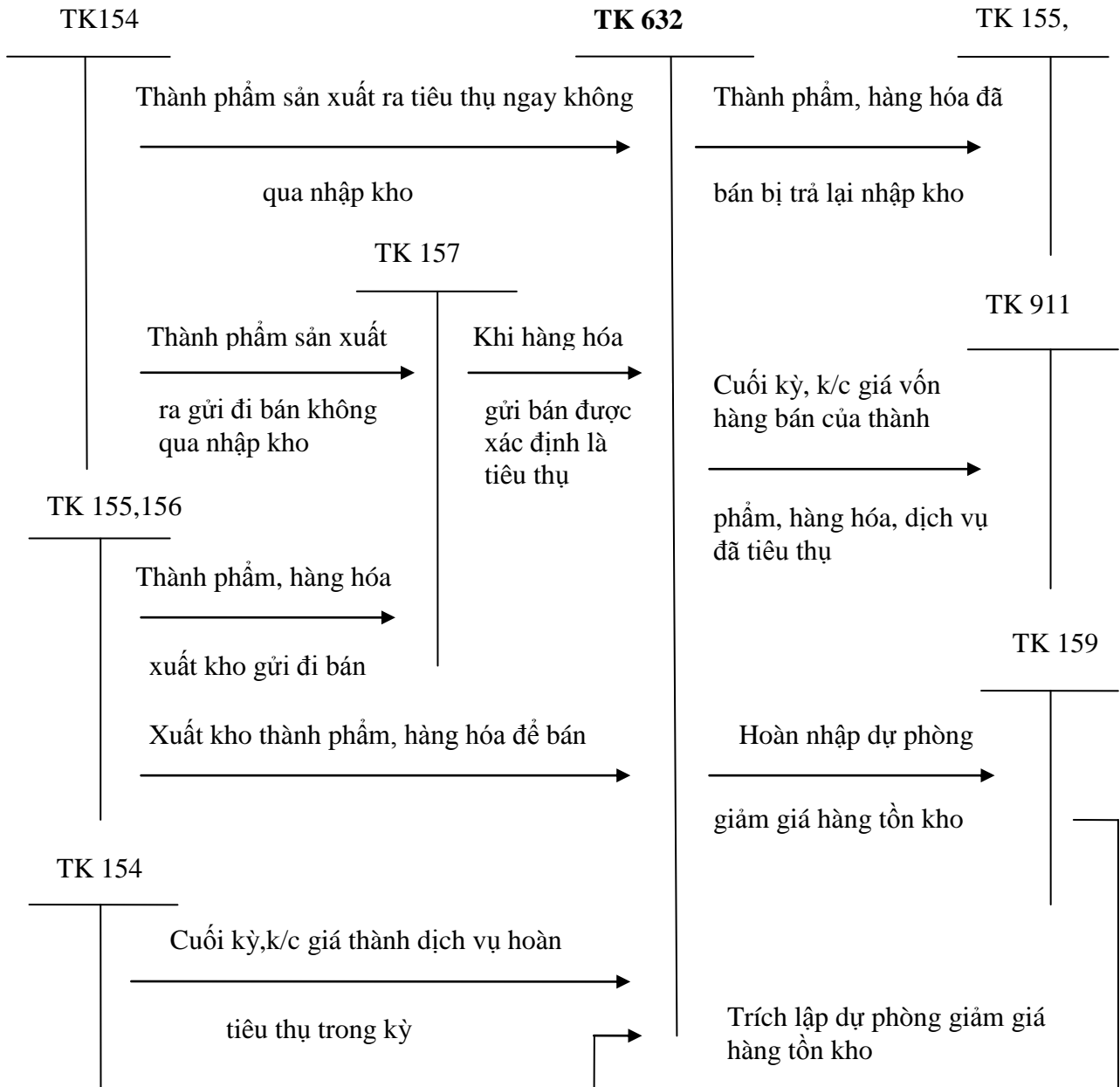
- Phương pháp nhập trước – xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp nhập sau – xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ của tồn kho.

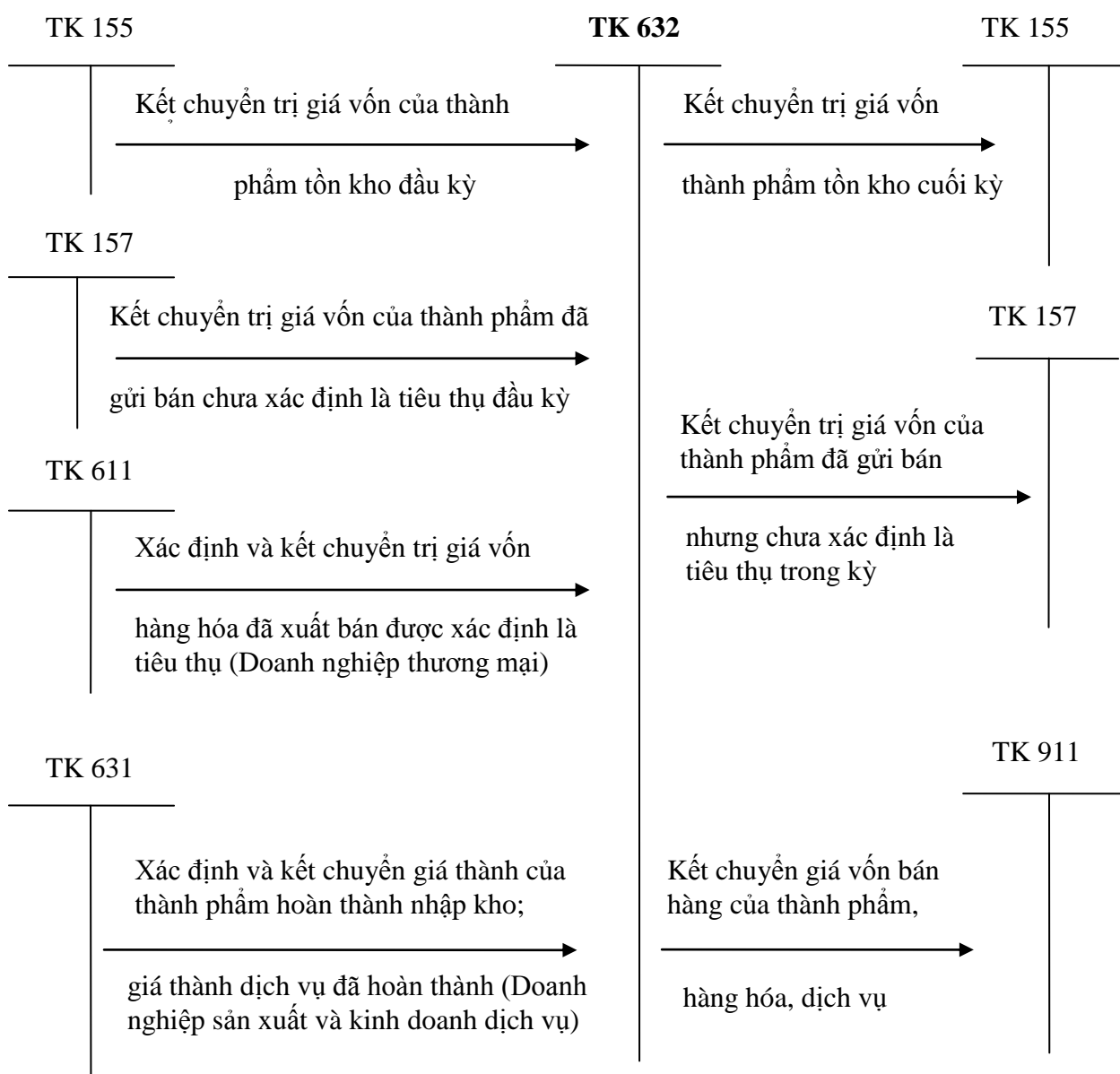
• Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán còn sử dụng TK 631 “ Giá thành sản xuất”, TK611 “ Mua hàng”

❖ ***Phương pháp hạch toán.***

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát bằng **sơ đồ 1.3** và **sơ đồ 1.4**



Sơ đồ 1.3 – Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.4 – Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

#### 1.2.4.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

##### ❖ Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

### ❖ *Tài khoản sử dụng: TK 642*

#### 🚩 **TK 6421** – Chi phí bán hàng

Tài khoản này được dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Bên Nợ:
  - Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Bên Có:
  - Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
  - Tài khoản 6421 không có số dư cuối kỳ.

#### 🚩 **TK 6422** – Chi phí quản lý doanh nghiệp

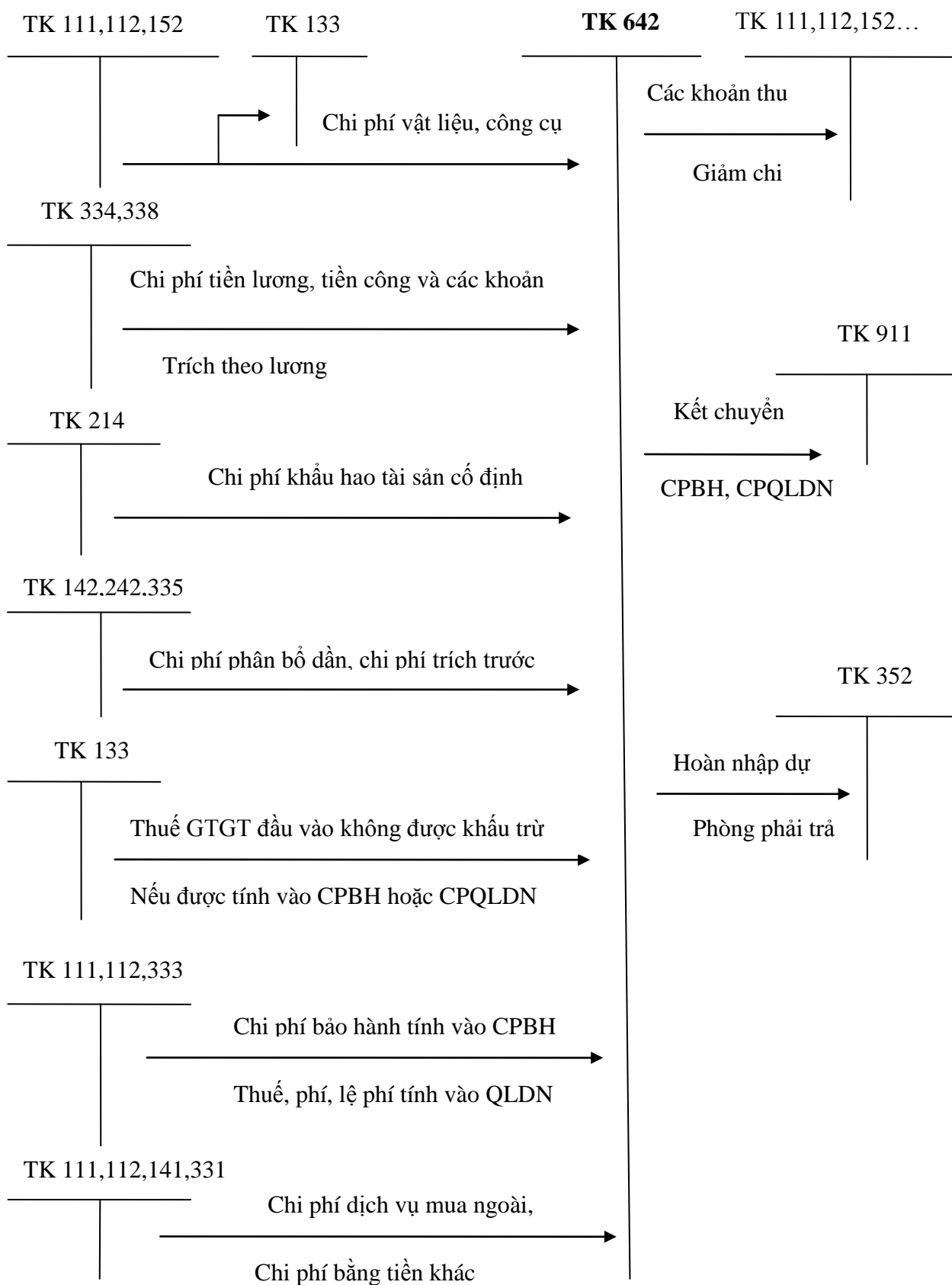
Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

- Bên Nợ:
  - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
  - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
  - Dự phòng trợ cấp mất việc làm
- Bên Có:
  - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
  - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
  - Tài khoản 6422 không có số dư cuối kỳ.

#### ***Phương pháp hạch toán***

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.5

Sơ đồ 1.5 – Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



#### 1.2.4.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

##### ❖ Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

##### ❖ Tài khoản sử dụng.

###### **TK 515** – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

###### ➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

###### ➤ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

###### **TK 635** – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

###### ➤ Bên Nợ:

- Chi phí tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.

- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Bên Có:
  - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
  - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

**❖ Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát bằng sơ đồ 1.6





#### 1.2.4.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

##### ❖ Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

##### ❖ Tài khoản sử dụng.

###### **TK 711** – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp.

###### ➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

###### ➤ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

###### **TK 811** – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

###### ➤ Bên Nợ:

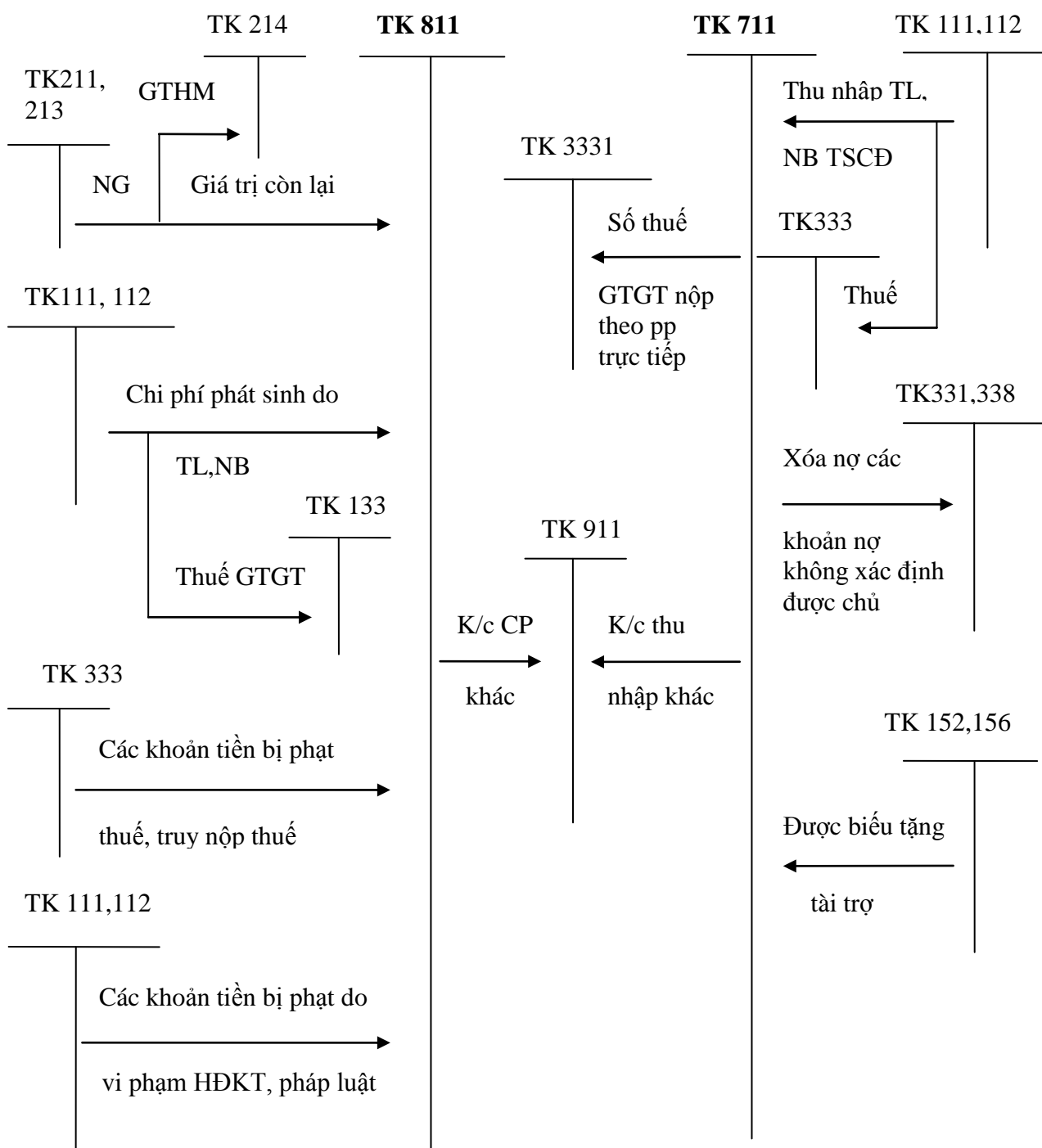
- Các khoản chi phí khác phát sinh.

###### ➤ Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát bằng sơ đồ 1.7



Sơ đồ 1.7 – Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

#### 1.2.4.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

##### ❖ Chứng từ sử dụng.

- Phiếu kế toán

##### ❖ Tài khoản sử dụng.

##### **TK 911** – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

##### ➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi

##### ➤ Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

##### ➤ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

##### **TK 821** – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

##### ➤ Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### ➤ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.

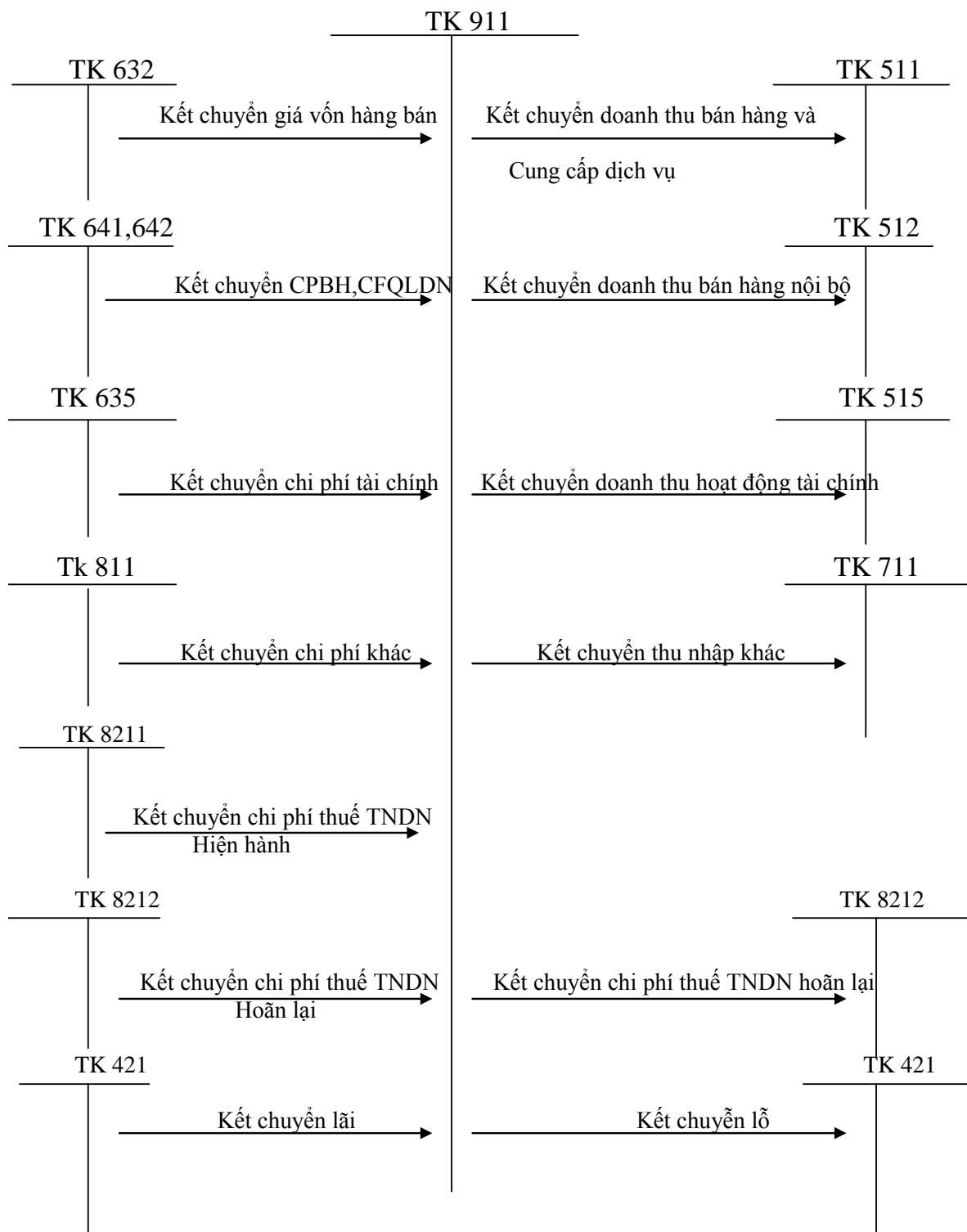
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
  - Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.
  - Tài khoản 821 có 2 tiểu khoản cấp 2:
    - TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
    - TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
- ✚ **TK 421** – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

- Bên Nợ:
  - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
  - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
  - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
  - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
  - Nộp lợi nhuận lên cấp trên.
- Bên Có:
  - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
  - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ cấp dưới được cấp trên bù.
  - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
- Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.
- Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:
  - TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
  - TK 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

❖ *Phương pháp hạch toán.*

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.8



### **1.3. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

❖ Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

❖ Tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### **1.4. Cơ sở của việc tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp.**

#### ***1.4.1. Các yếu tố ảnh hưởng tới chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.***

Để thực hiện tốt việc quản lý chi phí doanh nghiệp cần phải xem xét kết cấu chi phí sản xuất, chính là các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của doanh nghiệp. Các yếu tố đó là:

- Các nhân tố về thị trường: thị trường ở đây bao gồm các nhân tố đầu vào như thị trường lao động, thị trường nhiên, nguyên vật liệu, thị trường vốn, thị trường đầu ra... Đối với thị trường đầu vào ảnh hưởng tới doanh nghiệp xét trên khả năng cung cấp và giá cả của các yếu tố. Doanh nghiệp phải xem xét và lựa chọn nhà cung cấp, phương thức thanh toán để chi phí phải bỏ ra cho các yếu tố đầu vào là thấp.

- Trình độ kỹ thuật, sử dụng trong sản xuất kinh doanh: trong điều kiện kinh tế thị trường việc đổi mới TSCĐ, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong kinh doanh được đặt ra là vấn đề cấp bách bởi vì đổi mới sẽ tạo ra năng suất cao, chất lượng tốt, giá cả hạ và từ đó doanh nghiệp có thể cạnh tranh được trên thị trường. Những doanh nghiệp có trình độ trang thiết bị kỹ thuật hiện đại sẽ tiết kiệm được nhiên nguyên vật liệu, năng lượng, giảm chi phí tiền lương, từ đó hạ thấp được chi phí kinh doanh.

- Nhân tố tổ chức lao động và sử dụng lao động: việc tổ chức lao động khoa học sẽ tạo ra sự kết hợp các yếu tố sản xuất một cách hợp lý, loại trừ được tình trạng lãng phí lao động có tác động lớn trong việc nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí.

Ngoài ra còn có các yếu tố khác như:

- Đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng loại doanh nghiệp
- Loại hình và quy mô sản xuất kinh doanh
- Công tác quản lý sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
- Điều kiện tự nhiên, chính sách chế độ Nhà nước.

#### **1.4.2. Biện pháp tăng cường quản lý chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Phân tích kết cấu chi phí trong doanh nghiệp, xây dựng định mức chi phí đối với các khoản chi phí văn phòng như: chi phí điện thoại, điện, nước, văn phòng phẩm..., tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát quá trình sử dụng chi phí trong từng giai đoạn, từng bộ phận của quá trình sản xuất kinh doanh.

Chú trọng áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên bộ vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động, giảm định mức tiêu hao nhiên nguyên vật liệu, giảm lao động sống, hiệu quả sản xuất tăng.

Tổ chức tốt việc cung ứng nhiên nguyên vật liệu cho sản xuất kinh doanh: khai thác nguồn mua uy tín, giá rẻ để đảm bảo chất lượng hàng hóa và giảm giá thu mua.

Nâng cao ý thức bảo dưỡng TSCĐ, sử dụng, khai thác hết công suất tối đa của máy móc, thiết bị nhằm tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí. Vận dụng chế độ giao trách nhiệm vật chất để đảm bảo TSCĐ không bị hư hỏng, mất mát trước hạn sử dụng.

Cuối tháng, quý, năm, công ty phải thường xuyên đánh giá việc thực hiện chi phí, xác định các khoản đã tiết kiệm hay bội chi, nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó, khách quan hay chủ quan, đánh giá riêng từng khoản mục chi phí, nêu ảnh hưởng của nó tới tổng chi phí. Từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh, quản lý, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chế phù hợp làm căn cứ kiểm tra.

Nhà quản trị phải biết sử dụng yếu tố con người, biết động viên, bồi dưỡng kiến thức, khơi dậy tài năng của họ để cống hiến cho doanh nghiệp. từ đó tạo ra một khả năng to lớn để nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

Tinh giản bộ máy quản lý hành chính, cải tiến nó phù hợp với hoạt động của công ty, cắt giảm các khoản chi tiêu không cần thiết...

**CHƯƠNG II:**  
**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH**  
**THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI**  
**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI**  
**AN PHÚ ĐÔNG**

**2.1. Tổng quan về Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông**

Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông tên quốc tế là “An Phu Dong trading and transport company limited”, được thành lập vào ngày 3 tháng 12 năm 2004 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0202002327 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải phòng cấp. Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông được hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Trụ sở chính : Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng

Điện thoại : (031) 3. 741.898

Fax: (031) 3. 741.897

Người đại diện: Đỗ Thu Huế

Mã số thuế: 0200607576

Vốn điều lệ: 1.500.000.000

Công ty có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh. Công ty sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản riêng tại ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng, số tài khoản: 102010000202174. Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của Nhà nước. Công ty thực hiện chức năng kinh doanh theo điều lệ pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế hiện hành.

Sau hơn 8 năm tăng trưởng và phát triển, hiện nay công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường và không ngừng mở rộng quy mô hoạt động và lĩnh vực hoạt động. Công ty đã sử dụng và khai thác nguồn lực về vốn, lao động, tài sản hiện có hiệu quả. Đồng thời công ty cũng mở rộng quan hệ với các đơn vị bạn, các tổ chức kinh tế trong nước và đã tạo được lòng tin với khách hàng. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, phương tiện, trang bị kỹ thuật phục vụ sản xuất và kết quả đạt

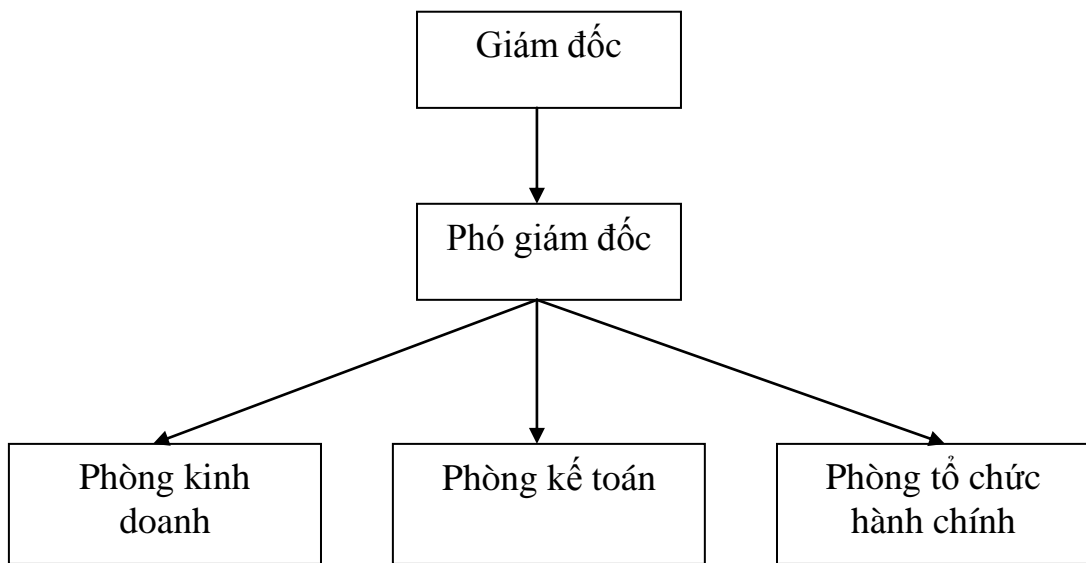


được là lợi nhuận không ngừng tăng lên hàng năm, điều đó đã đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong công ty và giúp công ty phục vụ tái sản xuất. Qua đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của công ty trong suốt thời gian qua và nhất là trong thời gian khủng hoảng gần đây. Điều đó giúp công ty luôn khẳng định được vị thế của mình và đứng vững trong nền kinh tế thị trường đầy biến động này.

Lĩnh vực hoạt động theo giấy phép kinh doanh: chủ yếu là vận tải, ngoài ra còn kinh doanh vật tư, nguyên liệu ngành công nghiệp, hàng thực phẩm, hàng công nghệ phẩm.

### **2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông**

Hiện nay với quy mô hoạt động được mở rộng với tổng số cán bộ công nhân viên trong công ty là 30 người thì việc tổ chức một bộ máy quản lý với những chức năng, nhiệm vụ là điều kiện cần thiết, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.1:** Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông

Qua sơ đồ ta thấy chức năng của các phòng ban như sau:

- Giám đốc: là người đại diện pháp lý trước pháp luật đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và đối với cán bộ công nhân viên công ty, tổ chức lãnh đạo chung toàn công ty.

- Phó giám đốc: Phụ trách điều hành các hoạt động của công ty. Chức năng nhiệm vụ của Phó giám đốc là tham mưu, giúp việc cho Giám đốc công ty

- Các phòng ban chức năng:

+ Phòng Kế toán Tài Chính: theo dõi tình hình tài chính của đơn vị, tình hình nguồn vốn, luân chuyển vốn, theo dõi công nợ, xác định kết quả kinh doanh, ... để cung cấp chính xác quá trình hoạt động của công ty.

+ Phòng khai thác kinh doanh: Chịu trách nhiệm khai thác thị trường tiêu thụ các mặt hàng mà doanh nghiệp kinh doanh và tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu về vận tải, các dịch vụ vận tải.

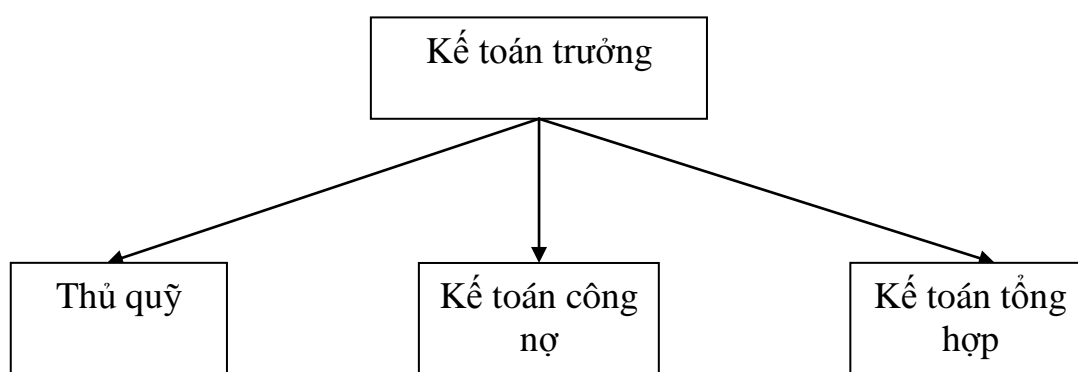
+ Phòng tổ chức hành chính: tham mưu cho giám đốc công ty trong việc thực hiện luật lao động, quản lý công nhân viên, theo dõi lưu trữ hồ sơ tài liệu người lao động, lập kế hoạch đào tạo, tuyển dụng, bố trí nhân sự trong công ty.

### **2.1.3. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán và hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty:**

#### **2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông**

Với đặc điểm của mô hình DN có quy mô vừa và nhỏ, phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối tập trung trên một địa bàn nhất định, có khả năng đảm bảo luân chuyển chứng từ ở các bộ phận được nhanh chóng kịp thời nên công ty đã áp dụng mô hình bộ máy kế toán tập trung.

Theo mô hình này toàn công ty tổ chức một phòng kế toán làm nhiệm vụ tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo kế toán phân tích hoạt động kinh tế, kiểm tra công tác kế toán toàn công ty.



### **Sơ đồ 2.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông**

*Chức năng nhiệm vụ của từng người:*

+ **Kế toán trưởng:** thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán tài chính trong công ty. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của luật

kế toán. Kiểm tra giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp ngân sách, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý sử dụng tài sản và nguồn vốn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: theo dõi ngân sách, nhà cung cấp, các khoản thu, theo dõi tài sản cố định, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

+ **Thủ quỹ**: quản lý các khoản tiền mặt của công ty, chịu trách nhiệm quản lý, xuất, nhập quỹ tiền mặt và lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định.

+ **Kế toán công nợ**: chuyên theo dõi các chứng từ liên quan đến các khoản phải thu, phải trả.

+ **Kế toán tổng hợp**: có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu về tiền lương, TSCĐ, giá thành, tiền mặt và các khoản công nợ để có thể cung cấp thông tin một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc hoặc phó giám đốc khi họ yêu cầu.

#### *2.1.3.2. Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại công ty:*

Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức **Nhật ký chung** để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán.

#### *Sổ sách sử dụng:*

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán và các chế độ của nhà nước, căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”, hình thức này bao gồm các sổ kế toán sau:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết...
- Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản...

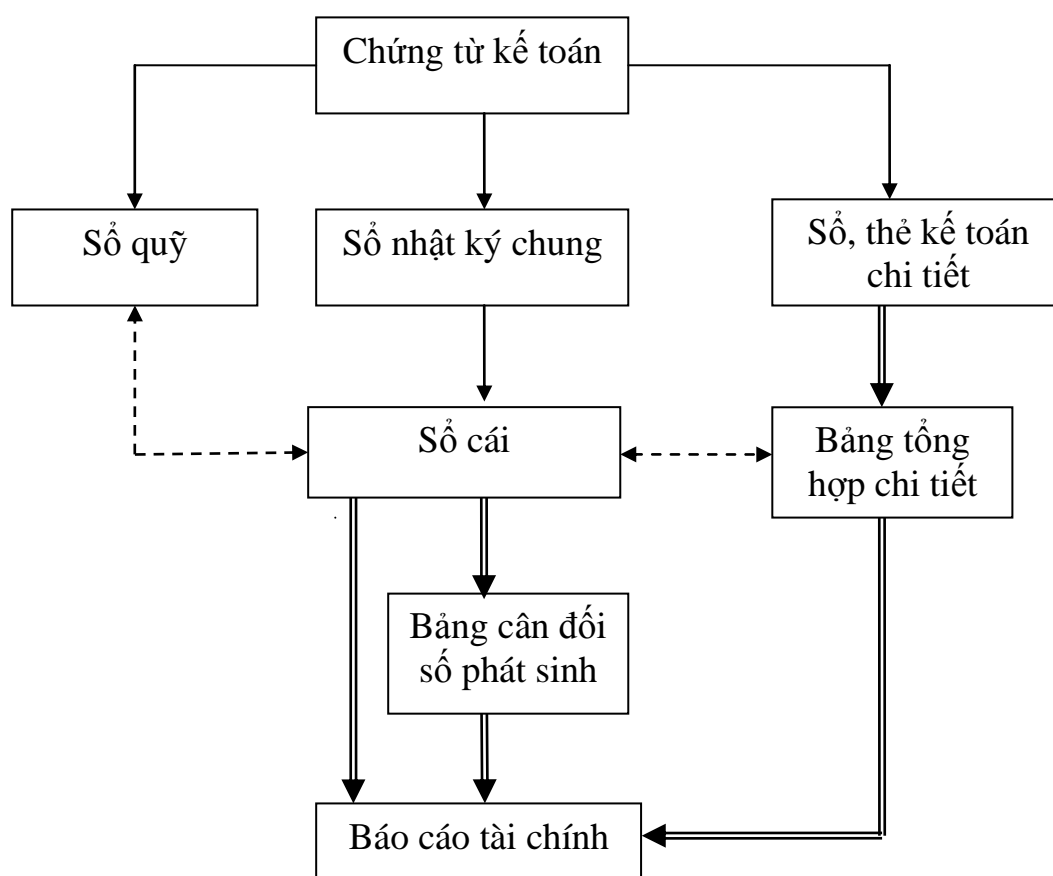
Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:

- Kiểm tra chứng từ: Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.
- Hoàn chỉnh chứng từ: Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như: tiền, số thực xuất....tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.
- Luân chuyển chứng từ: Tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng

từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.

- Lưu trữ chứng từ: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán " Nhật ký chung " là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC sau đó từ NKC vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập các báo cáo kế toán.



**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ luân chuyển chứng từ tại Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày —————→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ =====>

**2.1.3.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty:**

- Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán hình thức được Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông áp dụng là theo chế độ kế toán theo

*quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.*

- *Niên độ kế toán:* Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm

- *Đơn vị tiền tệ sử dụng:* VND

- *Phương pháp khấu hao tài sản cố định:* theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

- *Phương pháp tính thuế GTGT:* áp dụng theo phương pháp khấu trừ

#### **2.1.4. Những thuận lợi và khó khăn của công ty:**

##### **2.1.4.1. Thuận lợi:**

Tuy là một doanh nghiệp mới được thành lập song nhờ có những thuận lợi nhất định mà công ty đã sớm từng bước đi vào hoạt động ổn định. Đó là:

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên, công nhân trong công ty được nâng cao.

- Sự đoàn kết nhất trí cao của người lao động dưới sự lãnh đạo đúng đắn của ban lãnh đạo công ty.

- Uy tín của công ty trên thị trường ngày càng được củng cố và nâng cao, được khách hàng trong và ngoài ngành tín nhiệm.

- Địa điểm của công ty: nằm trong khu kinh tế cảng Đình Vũ, thuộc trục giao thông trung chuyển của thành phố với các tỉnh trong nước.

- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ An Phú Đông thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ nên bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ, giúp cho công tác quản lý dễ dàng thuận tiện.

##### **2.1.4.2. Khó khăn:**

- Do khủng hoảng của nền kinh tế toàn cầu ảnh hưởng tới tình hình tài chính của nước ta nói chung, và cũng ảnh hưởng tới tình hình huy động nguồn vốn của công ty nói riêng.

- Sự cạnh tranh gay gắt trong cơ chế thị trường, sự biến động tăng bất thường của giá cả vật tư, nhiên, nguyên vật liệu, nhất là tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Do tốc độ phát triển của thành phố ngày một nhanh, nhiều công ty kinh doanh cùng lĩnh vực với công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông ngày càng nhiều. Nhiều khách hàng quen thuộc của công ty đã bị thu hút bởi đơn giá hấp dẫn của đối thủ, thị trường của công ty bị thu hẹp.

### *Thành tích của công ty*

## **Kết quả kinh doanh của công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông trong năm 2011 và 2012**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch	
			±	%
Doanh thu thuần	10.135.176.240	11.026.157.000	890.980.760	8,79
Giá vốn hàng bán	8.681.887.281	8.990.256.000	308.368.719	3,55
Chi phí QLKD	318.387.842	450.597.342	132.209.500	41,52
Lợi nhuận HĐTC	10.000.000	17.500.000	7.500.000	75,00
Thu nhập khác	0	21.500.000	21.500.000	100
Chi phí khác	0	11.000.000	11.000.000	100
Chi phí thuế TNDN hiện hành (25%)	286.225.279	403.325.915	117.100.636	40,91
Lợi nhuận sau thuế	858.675.838	1.209.977.743	351.301.905	40,91

*(Nguồn từ phòng kế toán-công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông)*

Nhìn vào biểu kết quả kinh doanh của công ty, ta thấy các chỉ tiêu nhìn chung năm 2012 tăng lên so với năm 2011. Nguyên nhân đạt được kết quả trên là do sự lãnh đạo sát sao của ban quản lý công ty cùng với sự lao động nhiệt tình, sáng tạo của toàn bộ CBCNV trong toàn công ty đã đưa công ty ngày càng đi lên không ngừng.

Kế toán công ty đã phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí phát sinh của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Cung cấp thông tin kế toán, phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính.

### **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông**

#### **2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.**

*2.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ hàng hóa tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.*

Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông thực hiện công tác

bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp. Khách hàng có nhu cầu mua hàng, nhân viên kinh doanh sẽ làm giấy báo giá gửi cho khách hàng, nếu khách hàng chấp nhận giá, hai bên đi đến ký kết hợp đồng kinh tế. Hiện tại, công ty tiêu thụ hàng hóa theo đơn đặt hàng, bán lẻ và bán buôn. Việc áp dụng đa dạng các hình thức bán hàng giúp công ty đáp ứng được mọi nhu cầu của khách hàng, mở rộng được mạng lưới tiêu thụ cho mình.

#### *2.2.1.2. Phương thức thanh toán tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.*

Để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, đồng thời cũng để phù hợp với khả năng thanh toán của mọi khách hàng, công ty đa dạng hóa các phương thức thanh toán để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng. Các phương thức thanh toán chủ yếu mà công ty áp dụng là:

*Hình thức thanh toán ngay:* khi công ty bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ cho khách hàng công ty thu được tiền ngay, có thể thu bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng. Hình thức này công ty áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức thanh toán này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

*Thanh toán chậm:* khi công ty bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay, phương thức thanh toán này áp dụng cho khách hàng thường xuyên, lâu năm, có uy tín với doanh nghiệp.

#### *2.2.1.3. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng.*

##### Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

##### Tài khoản sử dụng

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Các tài khoản khác có liên quan: TK 133, TK 111, TK 112, TK 131...

✚ Hệ thống sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK131,..
- Bảng tổng hợp phải thu khách hàng
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản: TK131, TK511,...

#### 2.2.1.4. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.

Khi phát sinh các nghiệp vụ bán hàng, cung cấp dịch vụ, kế toán tiến hành viết hóa đơn cho khách hàng (hóa đơn GTGT)

- Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1(màu tím): lưu lại cuống gốc để tại phòng kế toán.

Liên 2(màu đỏ): chuyển cho khách hàng làm chứng từ thanh toán.

Liên 3(màu xanh): làm căn cứ bán hàng, giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.

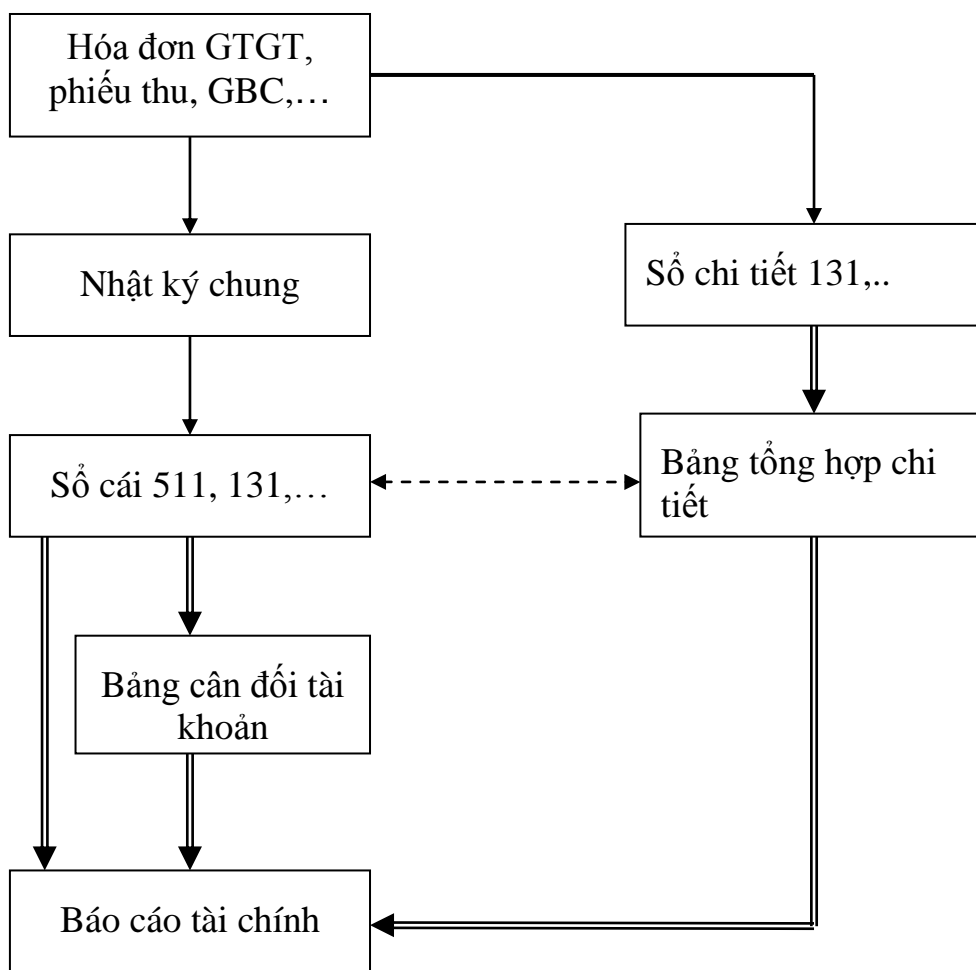
- Phiếu thu: khi khách hàng trả tiền, kế toán lập 2 liên:

Liên 1: lưu tại phòng kế toán làm căn cứ để nhập dữ liệu vào sổ sách liên quan.

Liên 2: giao cho khách hàng.



Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.4:



*Sơ đồ 2.4 – Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←----->

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ =====>

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản phù hợp. Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo

tài chính.

- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

**Ví dụ 1:** Ngày 01/12/2012 vận chuyển hàng hóa cho công ty Tùng Khánh, cước vận chuyển 35.000.000đ (đã bao gồm thuế GTGT 10%). Công ty Tùng Khánh chưa thanh toán.

**Ví dụ 2:** Ngày 06/12/2012 vận chuyển hàng hóa cho công ty TNHH Phúc Tiến, cước vận chuyển 154.500.000đ (chưa thuế GTGT 10%). Công ty TNHH Phúc tiến chưa thanh toán.

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT – 3LL

Ký hiệu: TT/12T

Số: 0089412

*Liên 3: Nội bộ*

Ngày 01 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông

Địa chỉ: lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng

Số tài khoản: 102010000202174

Điện thoại: 0313.741.898

MS: 0200957754

Họ tên người mua hàng: Bùi Văn Long

Tên đơn vị: công ty Tùng Khánh

Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: tiền mặt

MS: 0200389643

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Vận chuyển hàng hóa	Chuyên	1	31.818.182	31.818.182

Cộng tiền hàng : 31.818.182

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT:

3.181.818

Tổng cộng tiền thanh toán:

35.000.000

Số tiền bằng chữ: *Ba mươi lăm triệu đồng chẵn./*

**Người mua hàng**

**Người bán hàng**

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

*Liên 3: Nội bộ*

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT – 3LL

Ký hiệu: TT/12T

Số: 0089428

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông

Địa chỉ: lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng

Số tài khoản: 102010000202174

Điện thoại: 0313.741.898

MS: 0200957754

Họ tên người mua hàng: Đoàn Quốc Tuấn

Tên đơn vị: công ty TNHH Phúc Tiến

Địa chỉ: 12 Quốc Tử Giám – Đống Đa – Hà Nội

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

MS: 0101163138

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Vận chuyển đồng cathodes	Tấn	100	1.540.000	154.500.000

Cộng tiền hàng: 154.500.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT: 15.450.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 169.950.000

Số tiền bằng chữ: *Một trăm sáu mươi chín triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./*

**Người mua hàng**

**Người bán hàng**

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Đơn vị: Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông.

Mẫu số S03a – DNN

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - (Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

Hải An – Hải Phòng

14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		.....	.....
....	....	.....	.....	....	.....	.....
01/12	HD 0089412	01/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công Tùng Khánh.	131 511 333	35.000.000	31.818.182 3.181.818
02/12	PC 168	02/12	Thanh toán tiền chi phí tiếp khách đến làm việc với giám đốc.	642 133 111	3.625.000 362.500	3.987.500
05/12	PT 189	05/12	Thu tiền vận chuyển của công ty Tùng Khánh.	111 131	35.000.000	35.000.000
....	....	.....	.....	...	.....	.....
06/12	HD 0089428	06/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công ty Phúc Tiến.	131 511 333	169.950.000	154.500.000 15.450.000
10/12	PC 172	10/12	T/T tiền điện cho công ty điện lực	642 133 111	2.500.000 250.000	2.750.000
12/12	PT 192	12/12	Doanh thu bán lô hàng TKN	111 511 333		71.500.000 65.000.000 6.500.000
13/12	BBTLT SCĐ	13/12	Ghi giảm TSCĐ	214 811 211	11.500.000 5.000.000	16.500.000
13/12	PT 195	13/12	Thu tiền nhượng bán máy photo	111 711 333	6.600.000	6.000.000 600.000
....	.....	.....	.....	....	.....	.....
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	511 911	1.204.934.000	1.204.934.000
			Cộng lũy kế		5.578.964.518	5.578.964.518

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số S03b- DNN

Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải - Hải An – Hải Phòng

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 Năm 2012

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	.....	.....	.....	....	.....	.....
01/12	HD 0089412	01/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công ty Tùng Khánh	131		31.818.182
...	....	....	.....	.....	.....	.....
06/12	HD 0089428	06/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công ty Phúc Tiến	131		154.500.000
12/12	PT 192	12/12	Doanh thu bán lô hàng TKN	111		65.000.000
...	....	.....	.....	....	.....	.....
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển doanh thu xác định kết quả kinh doanh T12/2012	911	1.204.934.000	
			Cộng số phát sinh		1.204.934.000	1.204.934.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông  
 Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông  
 Hải - Hải An – Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 Năm 2012

Tên TK: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		215.260.000	
...	.....	.....	.....	....	.....	.....
01/12	HD 0089412	01/12	Vận chuyển hàng hóa cho công ty Tùng Khánh	511	31.818.182	
			Thuế GTGT đầu ra	333	3.181.818	
05/12	PT 189	05/12	Thu tiền vận chuyển của công ty Tùng Khánh	111		35.000.000
...	....	....	.....	.....	.....	.....
06/12	HD 0089428	06/12	Vận chuyển hàng hóa cho công ty Phúc Tiến	511	154.500.000	
			Thuế GTGT đầu ra	333	15.450.000	
13/12	HD 0089967	13/12	Doanh thu bán lô hàng ATD	511	65.000.000	
			Thuế GTGT đầu ra	333	6.500.000	
...	.....	.....	.....	....	.....	.....
			<b>Cộng số phát sinh</b>		941.466.950	766.854.000
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>389.872.950</b>	

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số S31- DNN

Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phòng

## SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN

TK 131 – Công ty Phúc Tiên

Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<b>65.800.000</b>	
<b>06/12</b>	<b>HĐ 0089428</b>	<b>06/12</b>	<b>Vận chuyển đồng</b>	<b>511 333</b>	<b>154.500.000 15.450.000</b>		<b>220.300.000 235.750.000</b>	
12/12	HĐ 0089436	12/12	Vận chuyển thép	511 333	91.800.000 9.180.000		327.550.000 336.730.000	
14/12	HĐ 0089567	18/12	Vận chuyển thép	511 333	56.500.000 5.650.000		393.230.000 398.880.000	
19/12	GBC 170	19/12	Trả tiền theo hóa đơn 0089428	112		169.950.000	228.930.000	
20/12	GBC 179	20/12	Trả tiền theo hóa đơn 0089436	112		100.980.000	127.950.000	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>333.080.000</b>	<b>270.930.000</b>		
			Số dư cuối kỳ				<b>127.950.000</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải Phòng

## SỔ TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đ

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
1	Công ty Tùng Khánh	48.460.000		122.300.000	62.200.000	108.560.000	
<b>2</b>	<b>Công ty Phúc Tiến</b>	<b>65.800.000</b>		<b>333.080.000</b>	<b>270.930.000</b>	<b>127.950.000</b>	
3	Phạm Như Hoàng	0		96.000.000	0	96.000.000	
4	Công ty CP xây lắp Hải Long	0		318.000.000	278.000.000	40.000.000	
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	<b>Cộng</b>	<b>215.260.000</b>		<b>941.466.950</b>	<b>766.854.000</b>	<b>389.872.950</b>	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.**

Do đặc điểm của ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ vận tải nói riêng, quá trình sản xuất tương đối giản đơn, không trải qua nhiều công đoạn phức tạp, quá trình sản xuất gắn liền với quá trình tiêu thụ nên không có sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ tiếp theo, sản phẩm tạo ra được hoàn thành và bàn giao ngay mà không nhập lại kho. Công ty thực hiện theo đơn đặt hàng nên giá vốn của sản phẩm chính là tổng các chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hóa.

#### **2.2.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

##### **+ Quy định về ghi nhận giá vốn:**

- Tài khoản 632 dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm bán trong kỳ.
- Việc ghi nhận giá vốn phải tuân theo nguyên tắc: khi phát sinh một khoản doanh thu bán thành phẩm thì mới ghi nhận một khoản giá vốn tương ứng của thành phẩm đó.

- Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

##### **+ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng lương
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan...

##### **+ Tài khoản kế toán sử dụng**

- TK 632- Giá vốn hàng bán.
- TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

##### **+ Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 632, TK 154.

##### **+ Quy trình hạch toán:**

Do công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông thực hiện hạch toán kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC, nên không sử dụng các tài khoản 621, 622, 627 vào việc hạch toán giá thành. Tất cả các chi phí phát sinh của lô hàng sẽ được tập hợp trực tiếp vào tài khoản 154, sau đó kết chuyển ngay sang tài khoản 632 để xác định giá

vốn cho lô hàng. Các chi phí chủ yếu bao gồm:

- + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: chủ yếu là xăng dầu
- + Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm lương của lái xe, phụ xe được trả theo hình thức lương khoán
- + Chi phí sản xuất chung bao gồm: chi phí sắm lốp, chi phí sửa chữa xe vận chuyển, chi phí ắc quy, chi phí vé xe, khấu hao xe vận chuyển...

Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn

***Tổng giá thành dịch vụ cung cấp = Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ***

**Ví dụ:**

1, Ngày 12/12/2012 chi tiền xăng xe phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa cho khách hàng, số tiền 5.000.000, phiếu chi số 173.

# HÓA ĐƠN

## GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho khách hàng  
Ngày 12 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT – 3LL  
Ký hiệu: TT/12P  
Số: 0089428

Đơn vị bán hàng: Xăng dầu Ngọc Kim Ngân					
Địa chỉ: 279 Nguyễn Bình Khiêm - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS: 0200354654					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Hương					
Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông					
Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM MS: 0200957754					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng	Lít	229	21.800	5.000.000
Cộng tiền hàng:					5.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		
500.000					
Tổng cộng tiền thanh toán:					5.500.000
Số tiền bằng chữ: Năm triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./					

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông**  
Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông  
Hải - Hải An – Hải Phòng

**Mẫu số 02- TT**  
Ban hành QĐ số 48/2006/QĐ/BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **PHIẾU CHI**

**Số: PC173**

Ngày: 12 /12/2012

Nợ TK 154: 5.000.000

Nợ TK 133: 500.000

Có TK 111: 5.000.000

Họ tên người chi tiền: Bùi Thu Thủy  
Địa chỉ: Phòng kế toán  
Lý do chi: Thanh toán tiền xăng xe phục vụ vận chuyển hàng hóa.  
Số tiền: 5.500.000  
Bằng chữ: Năm triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./.  
Kèm theo : 1 chứng từ gốc  
Đã nhận đủ số tiền ( Viết bằng chữ): Năm triệu năm trăm ngàn đồng chẵn./.

Ngày 12 tháng 12 năm 2012

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người chi tiền</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

2, Căn cứ vào các chứng từ liên quan như: bảng tính và phân bổ khấu hao, bảng lương, hóa đơn GTGT... Trong tháng 12/2012 tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông có các chi phí phát sinh được kế toán tập hợp và định khoản như sau:

+	Nợ TK 154:	885.487.900
	Có TK 111:	352.498.000
	Có TK 112:	392.927.621
	Có TK 334:	55.284.553
	Có TK 338:	12.715.447
	Có TK 214:	72.062.279
+	Nợ TK 632:	885.487.900
	Có TK 154:	885.487.900

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 79

Đơn vị tính: đồng

<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển tháng 12/2012	632	154	885.487.900
<b>Cộng</b>			885.487.900

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 83

Đơn vị tính: đồng

<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
Kết chuyển giá vốn xác định kết quả kinh doanh tháng 12/ 2012	911	632	885.487.900
<b>Cộng</b>			885.487.900

Đơn vị: Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông.

Mẫu số S03a – DNN

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - (Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
Hải An – Hải Phòng 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính : đ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		.....	.....
01/12	HĐ 0089412	01/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công Tùng Khánh.	131 511 333	35.000.000	31.818.182 3.181.818
02/12	PC 168	02/12	Thanh toán tiền chi phí tiếp khách đến làm việc với giám đốc.	642 133 111	3.625.000 362.500	3.987.500
05/12	PT 189	05/12	Thu tiền vận chuyển của công ty Tùng Khánh.	111 131	35.000.000	35.000.000
06/12	HĐ 0089428	06/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công ty Phúc Tiến.	131 511 333	169.950.000	154.500.000 15.450.000
10/12	PC 172	10/12	T/T tiền điện cho công ty điện lực	642 133 111	2.500.000 250.000	2.750.000
12/12	PC 173	12/12	T/T tiền xăng xe phục vụ vận chuyển hàng hóa	154 133 111	5.000.000 500.000	5.500.000
13/12	BBTLT SCĐ	13/12	Ghi giảm TSCĐ	214 811 211	11.500.000 5.000.000	16.500.000
13/12	PT 195	13/12	Thu tiền nhượng bán máy photo	111 711 333	6.600.000	6.000.000 600.000
....	....	....	.....	....	.....	.....
31/12	PKT 79	31/12	Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển tháng 12/2012	632 154	885.487.900	885.487.900
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển giá vốn tháng 12/2012	911 632	885.487.900	885.487.900
			Cộng lũy kế		5.578.964.518	5.578.964.518

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số S03b- DNN

Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)  
 Hải An – Hải Phòng

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 Năm 2012

Tên TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Đơn vị tính: đ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>		-	
04/12	GBN 96	04/12	TT tiền sửa chữa xe container	112	69.375.000	
09/12	PC 170	09/12	TT cước biển lô hàng TKN	111	16.758.900	
<b>12/12</b>	<b>PC 173</b>	<b>12/12</b>	<b>T/T tiền xăng xe phục vụ vận chuyển hàng hóa</b>	<b>111</b>	<b>5.000.000</b>	
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
28/12	PC189	28/12	TT tiền chi phí cầu phà	111	3.265.000	
29/12	PC195	29/12	Phí thông quan	111	18.498.000	
31/12	PKT 59	31/12	Phân bổ lương tháng 8/2012	334 338	55.284.553 12.715.447	
<b>31/12</b>	<b>PKT 79</b>	<b>31/12</b>	<b>Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển tháng 12/2012</b>	<b>632</b>		<b>885.487.900</b>
			<i>Cộng phát sinh</i>		885.487.900	885.487.900
			<i>Số dư cuối kỳ</i>		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)



Mẫu số S03b- DNN

Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải - Hải An – Hải Phòng

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 Năm 2012

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

DVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
...	.....	.....	.....	....	.....	.....
31/12	PKT 79	31/12	Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển tháng 12/2012	154	885.487.900	
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển giá vốn tháng 12/2012	911		885.487.900
			<i>Cộng số phát sinh</i>		<b>885.487.900</b>	<b>885.487.900</b>
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Ngày 31/12/2012

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.**

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh cũng như bán hàng của Công ty. Chi phí quản lý kinh doanh dù cao hay thấp cũng đều có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty phải giảm thiểu chi phí quản lý kinh doanh để góp phần làm tăng lợi nhuận.

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

*Chi phí bán hàng:* được sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động bán hàng. Chi phí bán hàng tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông chủ yếu là chi phí dịch vụ chuyển phát nhanh, chi phí đặt in hóa đơn GTGT và chi phí quảng cáo.

*Chi phí quản lý doanh nghiệp:* được sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty chủ yếu là chi phí về lương, vật liệu văn phòng, phí và lệ phí, các chi phí khác liên quan đến quản lý doanh nghiệp.

Các khoản chi phí phát sinh được hạch toán vào các tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ hợp lệ, đầy đủ.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh. Toàn bộ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản chi phí quản lý kinh doanh không có số dư cuối kỳ.

#### **✚ Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **✚ Tài khoản sử dụng.**

- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh
- TK 6421 – Chi phí bán hàng
- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 331 – Phải trả người bán.

**+ Sổ sách kế toán sử dụng:**

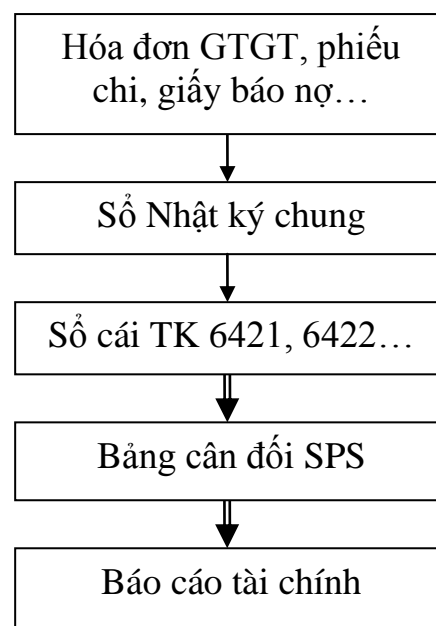
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản :

**+ Quy trình hạch toán**

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ:  $\Longrightarrow$



**Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.**

Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT (*liên 2*), Phiếu chi, ủy nhiệm chi,... kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung .

Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 642

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái TK 642 để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

**Ví dụ: 1,** Ngày 02/12/2012, Phạm Xuân Trường trưởng phòng kinh doanh thanh toán tiền chi phí tiếp khách đến làm việc với ban giám đốc, số tiền: 3.987.500đ (trong đó thuế GTGT 10%), hóa đơn số 0058362, phiếu chi số 168.

**2,** Ngày 15/12/2012, Đỗ Xuân Thành đặt công ty CP Tin học và Công nghệ Hàng Hải in hóa đơn GTGT, số tiền: 4.400.000đ ( trong đó thuế GTGT 10%), hóa đơn số 0060577, phiếu chi số 178.

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 2 tháng 12 năm 2012				<b>Mã số: 01GTKT- 3TT</b> <b>Ký hiệu : HD/12T</b> <b>Số: 0058362</b>																					
Đơn vị bán hàng: Nhà hàng Hải Đăng Địa chỉ: Số 16 lô 3B Lê Hồng Phong – Đông Khê – Ngô Quyền – Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: .....0313 606 955.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>7</td><td>3</td><td>8</td><td>5</td><td>9</td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	5	7	3	8	5	9										
0	2	0	0	5	7	3	8	5	9																
Họ tên người mua hàng: Phạm Xuân Trường Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng Số tài khoản: 102010000202174 Hình thức thanh toán: TM .....MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>9</td><td>5</td><td>7</td><td>7</td><td>5</td><td>4</td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	9	5	7	7	5	4										
0	2	0	0	9	5	7	7	5	4																
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																				
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=1x2</b>																				
	Cá chép	Nồi	1	240.000	240.000																				
	Bào ngư	Đĩa	2	350.000	700.000																				
	Lẩu cá	Nồi	1	220.000	220.000																				
	Cua biển	Con	8	245.000	1.960.000																				
	Rượu	Chai	1	505.000	505.000																				
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>3.625.000</b>																				
<b>Thuế GTGT: 10 %</b>		<b>Tiền thuế GTGT:</b>			<b>362.500</b>																				
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>3.987.500</b>																				
<b>Số tiền viết bằng chữ: ba triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn./.</b>																									
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)																						

**Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông**

**Mẫu số 02- TT**

Địa chỉ: : Lô 19-32/37 Ngô quyền – Đông Hải –  
Hải An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ/BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

**Số: PC 168**

Ngày: 02/12/2012

Nợ TK 642: 3.625.000

Nợ TK 133: 362.500

Có TK 1111: 3.987.500

Họ tên người chi tiền: Phạm Xuân Trường

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Thanh toán tiền chi phí tiếp khách đến làm việc với BGD

Số tiền: 3.987.500

Bằng chữ: Ba triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn./

Kèm theo : 01 chứng từ gốc: HĐ GTGT số 0058362

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Ba triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn./

Ngày 02 tháng 12 năm 2012

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người chi tiền</b>
(Ký họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

# HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT – 3LL

## GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: TT/12T

Liên 2: Giao cho khách hàng

Số: 0060577

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Tin học và Công nghệ Hàng Hải

Địa chỉ: 12 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại:

MS: 0200421485

Họ tên người mua hàng: Đỗ Xuân Thành

Tên đơn vị: công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông

Địa chỉ: lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: tiền mặt

MS: 0200957754

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	In hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu TT/13P, in từ số 0000001 đến số 0001000	Số	1000	4000	4.000.000

Cộng tiền hàng: 4.000.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT: 400.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 4.400.000

Số tiền bằng chữ: *bốn triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn./***Người mua hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông**

**Mẫu số 02- TT**

Địa chỉ: : Lô 19-32/37 Ngô quyền – Đông Hải – Hải An  
– Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ/BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

**Số: PC 178**

Ngày: 15/12/2012

Nợ TK 6421: 4.000.000

Nợ TK 133: 400.000

Có TK 111: 4.400.000

Họ tên người chi tiền: Đỗ Xuân Thành

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: In hóa đơn GTGT

Số tiền: 4.400.000

Bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn./

Kèm theo : 01 chứng từ gốc: HĐ GTGT số 0060577

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Bốn triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn./

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người chi tiền</b>
(Ký họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông.

Mẫu số S03a – DNN

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải -  
Hải An – Hải Phòng

(Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính : đ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		.....	.....
01/12	HĐ 0089412	01/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công ty Tùng Khánh.	131 511 333	35.000.000	31.818.182 3.181.818
<b>02/12</b>	<b>PC 168</b>	<b>02/12</b>	<b>Thanh toán tiền chi phí tiếp khách đến làm việc với giám đốc.</b>	<b>6422 133 111</b>	<b>3.625.000 362.500</b>	<b>3.987.500</b>
05/12	PT 189	05/12	Thu tiền vận chuyển của công ty Tùng Khánh.	111 131	35.000.000	35.000.000
06/12	HĐ 0089428	06/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công ty Phúc Tiến.	131 511 333	169.950.000	154.500.000 15.450.000
10/12	PC 172	10/12	T/T tiền điện cho công ty điện lực	6422 133 111	2.500.000 250.000	2.750.000
13/12	PT 195	13/12	Ghi giảm TSCĐ	214 811 211	11.500.000 5.000.000	16.500.000
			Thu tiền nhượng bán máy photo	111 711 333	6.600.000	6.000.000 600.000
<b>15/12</b>	<b>PC 178</b>	<b>15/12</b>	<b>T/T tiền in hóa đơn GTGT</b>	<b>6421 133 111</b>	<b>4.000.000 400.000</b>	<b>4.400.000</b>
....	....	....	.....	....	.....	.....
31/12	PKT 84	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh tháng 12/2012	911 642	155.597.342	155.597.342
			<b>Cộng lũy kế</b>		<b>5.578.964.518</b>	<b>5.578.964.518</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông

Mẫu số S03b- DNN

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Hải - Hải An – Hải Phòng

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 Năm 2012

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>02/12</b>	<b>PC 168</b>	<b>02/12</b>	<b>Thanh toán tiền chi phí tiếp khách đến làm việc với giám đốc.</b>	<b>111</b>	<b>3.625.000</b>	
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
10/12	PC 173	10/12	T/T tiền điện cho công ty điện lực	111	2.500.000	
<b>15/12</b>	<b>PC 178</b>	<b>15/12</b>	<b>T/T tiền in hóa đơn GTGT</b>	<b>111</b>	<b>4.000.000</b>	
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 45	31/12	Phân bổ lương tháng 12/2012	334 338	78.000.000 17.940.000	
31/12	PKT 84	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh xác định kết quả kinh doanh năm 2012.	911		<b>155.597.342</b>
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>155.597.342</b>	<b>155.597.342</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

#### ***2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.***

##### *2.2.4.1. Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.*

Hoạt động của công ty chủ yếu chú trọng vào dịch vụ vận tải nên Công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh. Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi hàng tháng cho khoản vay dài hạn và phí tiền gửi.

##### *2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.*

###### Chứng từ sử dụng.

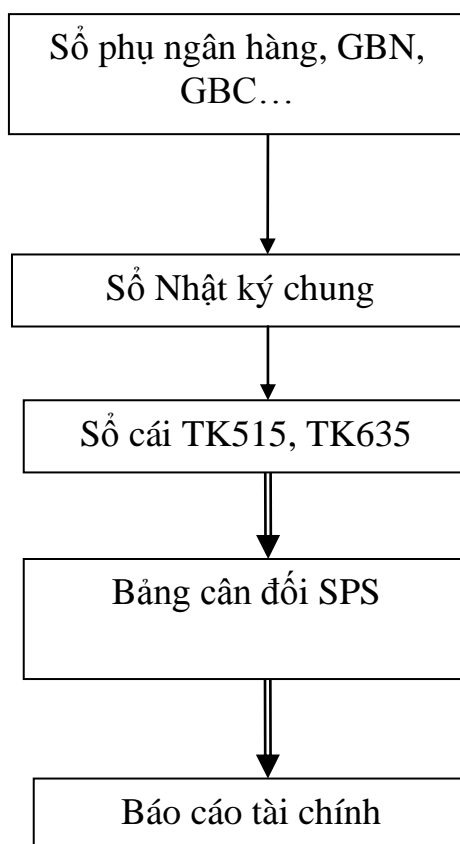
- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Sổ phụ Ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

###### Tài khoản sử dụng

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

##### *2.2.4.3 Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.*

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.7



**Sơ đồ 2.7** - Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối năm : =====>

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 515, 635, ...

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.



NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG  
VIỆT NAM - HẢI PHÒNG  
MST: 0300733752-002

Số : 170  
Ngày 31/12/2012

## GIẤY BÁO CÓ

Kính gửi Công ty TNHH TM&VT An Phú      Loại tiền : VND  
Đông      Loại TK : TG THANH TOÁN  
Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải      Số bút toán hạch toán : LD 0435700226  
- Hải An – Hải Phòng  
Tài khoản : 102010000202174  
Chúng tôi xin thông báo đã ghi có TK của quý khách số tiền chi tiết như sau:  
Nội dung : Lãi tiền gửi tháng 12/2012      Số tiền: 387.425  
Số tiền( viết bằng chữ) : Ba trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng./.  
*Người lập phiếu*      *Kiểm Soát*      *Kế toán trưởng*  
(Ký tên, đóng dấu)      (Ký tên, đóng dấu)      (Ký tên, đóng dấu)

**Ví dụ 2:** Ngày 31/12/2012, Công ty trả tiền lãi vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam số tiền 1.250.000 tháng 12 năm 2012

- Căn cứ vào Bảng kê tiền lãi vay tháng 12, sổ phụ ngân hàng và GBN và các chứng từ khác có liên quan như phiếu chi, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK635: 1.250.000

Có TK112: 1.250.000

- Từ các bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung.
- + Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 635.
- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập BCTC.

**Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông**

Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải Phòng

**BẢNG KÊ TIỀN LÃI VAY**

Tháng 12 năm 2012

**Lãi suất ngân hàng thương mại**

Ngày tháng	Phát sinh	Số dư nợ	Thời gian chịu lãi	Số ngày	Lãi suất	Thành tiền
01/12/2012		100.000.000	01/12/12-> 31/12/12	30	1.25%	1.250.00
			Cộng			1.250.000

Cộng 1.250.000

(Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.)

Phòng Tài chính – Kế toán  
(Ký, ghi rõ họ tên)Người lập  
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG

VIỆT NAM HẢI PHÒNG

MST: 0300733752-002

**SỔ PHỤ**

Ngày 10/12/2012

Số chi tiết tài khoản

Số Tài Khoản : 102010000202174

Statement of Account For

A/C No.

Công ty TNHH TM&amp;VT An Phú Đông

Loại TK/Loại tiền : VND

Type/Ccy

Số dư đầu : 2.139.441.784

Opening Balance as of

So CT	Ngày GD	Ngày H.Luc	Loai GD	Ma GD	PS Nợ	PS Có	Nội Dung	
Seq.No	Tran Date	Effect Date	Tran	Num.Tran	Withdrawal	Deposit	Remarks	
17	31581	10/12/2012	10/12/2012	LĐ - IN	5403	1.250.000	0.00	Trả tiền lãi vay dài hạn NH

Doanh số giao dịch :

1.250.000 0.00

Transaction Sumary

Số dư cuối 126.941.784

NGÂN HÀNG TMCP TM&VT VIỆT NAM  
HẢI PHÒNG  
MST: 0300733752-002

Số : 158  
Ngày 10/12/2012

## GIẤY BÁO NỢ

Kính gửi: Công ty TNHH TM&VT An Phú      Loại tiền : VND  
Đông      Loại TK : TG THANH TOÁN  
Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải      Số bút toán hạch toán : LĐ – IN 0435700292  
- Hải An – Hải Phòng  
Tài khoản : 102010000202174

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ TK của quý khách số tiền chi tiết như sau:

Nội dung : Thu lãi tiền vay tháng 12/2012      Số tiền: 1.250.000

Số tiền( viết bằng chữ) : Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./.

*Người lập phiếu*

(Ký tên, đóng dấu)

*Kiểm Soát*

(Ký tên, đóng dấu)

*Kế toán trưởng*

(Ký tên, đóng dấu)

**Đơn vị:** Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông.

**Mẫu số S03a – DNN**

**Địa chỉ:** Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải -  
Hải An – Hải Phòng

(Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính : đ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		.....	.....
01/12	HĐ 0089412	01/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công Tùng Khánh.	131 511 333	35.000.000	31.818.182 3.181.818
02/12	PC 168	02/12	Thanh toán tiền chi phí tiếp khách đến làm việc với giám đốc.	642 133 111	3.625.000 362.500	3.987.500
05/12	PT 189	05/12	Thu tiền vận chuyển của công ty Tùng Khánh.	111 131	35.000.000	35.000.000
06/12	HĐ 0089428	06/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công ty Phúc Tiến.	131 511 333	169.950.000	154.500.000 15.450.000
10/12	PC 172	10/12	T/T tiền điện cho công ty điện lực	642 133 111	2.500.000 250.000	2.750.000
12/12	PC 173	12/12	T/T tiền xăng xe phục vụ vận chuyển hàng hóa	154 111	5.000.000	5.000.000
....	....	....	.....	....	.....	.....
<b>31/12</b>	<b>GBC 170</b>	<b>31/12</b>	<b>Ngân hàng trả lãi tiền gửi</b>	<b>112 515</b>	<b>387.425</b>	<b>387.425</b>
<b>31/12</b>	<b>GBN 158</b>	<b>31/12</b>	<b>Trả lãi tiền vay</b>	<b>635 112</b>	<b>1.250.000</b>	<b>1.250.000</b>
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515 911	387.425	387.425
31/12	PKT 86	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính.	911 635	1.250.000	1.250.000
			Cộng lũy kế		5.578.964.518	5.578.964.518

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Mẫu số S03b- DNN

Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải - Hải An – Hải Phòng

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 Năm 2012

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	GBC 170	31/12	Ngân hàng trả lãi tiền gửi T12/2012	112		387.425
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	387.425	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>387.425</b>	<b>387.425</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số S03b- DNN

Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)  
Hải An – Hải Phòng

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 Năm 2012

Tên TK: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: đ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	GBN 158	31/12	Trả lãi tiền vay	112	1.250.000	
31/12	PKT 86	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính.	911		1.250.000
			Cộng phát sinh		1.250.000	1.250.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

## **2.2.5. Kế toán hoạt động khác tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.**

### **2.2.5.1. Kế toán thu nhập khác.**

Thu nhập khác là những khoản thu nhằm làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại.

Tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông tháng 12 năm 2012 có khoản thu nhập khác từ hoạt động nhượng bán TSCĐ.

#### Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Biên bản nhượng bán TSCĐ

#### Tài khoản sử dụng

- TK 711: Thu nhập khác
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 3331

### **2.2.5.2. Kế toán chi phí khác**

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay nhiệm vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra.

Tại Công ty, tháng 12 năm 2012 có các khoản chi phí từ hoạt động khác là giá trị còn lại của TSCĐ đã nhượng bán.

#### Chứng từ sử dụng

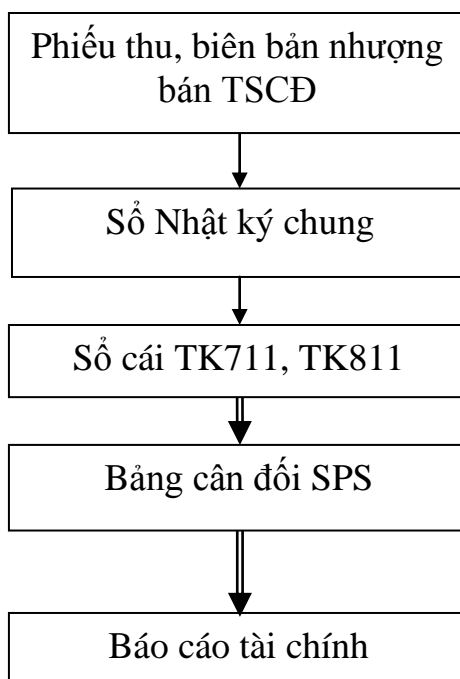
- Phiếu kế toán
- Biên bản nhượng bán TSCĐ

#### Tài khoản sử dụng

- TK 811: Chi phí khác
- Các tài khoản có liên quan: 214, 211

### 2.2.5.3. Quy trình hạch toán thu nhập khác, chi phí khác

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.8



Sơ đồ 2.8 - Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.

#### **Ghi chú:**

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối năm :  $\Longrightarrow$

Ví dụ: Căn cứ vào biên bản nhượng bán ngày 13/12/2012 về việc thanh lý máy photo và các chứng từ có liên quan khác. Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản

Nợ TK 111:	6.600.000
Có TK 711:	6.000.000
Có TK 3331:	600.000
Nợ TK 214:	11.500.000
Nợ TK 811:	5.000.000
Có TK 211:	16.500.000

## **BIÊN BẢN NHƯỢNG BÁN TSCĐ**

*Ngày 13 tháng 12 năm 2012*

- Căn cứ Quyết định số 15, ngày 13 tháng 12 năm 2012 của công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông về việc nhượng bán TSCĐ

### **I. Ban thanh lý gồm**

\* Bên thanh lý (Bên A)

- Bà: Đỗ Thu Huệ                      Chức vụ: Giám đốc                      Trưởng ban  
- Bà: Quản Thanh Tú                      Chức vụ: Kế toán                      Ủy viên

\* Bên mua (Bên B)

- Ông: Nguyễn Văn Ba                      Chức vụ: Phó giám đốc                      Trưởng ban  
- Ông Nguyễn Tiến Đạt                      Chức vụ: NVKD                      Ủy viên

### **II. Tiến hành thanh lý TSCĐ**

- Tên, ký mã hiệu, quy cách TSCĐ: máy photo
- Số hiệu TSCĐ:
- Nước sản xuất: Nhật
- Năm sản xuất: 2007
- Năm đưa vào sử dụng: 2008
- Nguyên giá TSCĐ: 16.500.000 đồng
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm nhượng bán: 11.500.000 đồng
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 5.000.000

### **III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ**

Máy photo vẫn sử dụng bình thường

### **IV. Kết quả thanh lý TSCĐ**

- Chi phí thanh lý: 0 đ                      (viết bằng chữ)
- Giá trị thu hồi: 6.000.000                      (viết bằng chữ) Sáu triệu đồng chẵn.
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 13/12/2012

*Ngày 13 tháng 12 năm 2012*

Đại diện bên A  
(ký, họ tên)

Đại diện bên B  
(ký, họ tên)

**Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông**  
Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông  
Hải - Hải An – Hải Phòng

**Mẫu số 01- TT**  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ/BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

**Số: PT195**

Ngày: 13/12/2012

Nợ TK 111: 6.600.000

Có TK 711: 6.000.000

Có TK 3331: 600.000

Họ tên người nộp tiền: **Bùi Thu Thủy**  
Địa chỉ: **Phòng kế toán**  
Lý do chi: **Thu tiền nhượng bán máy photo**  
Số tiền: **6.600.000**  
Bằng chữ: **Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn./.**  
Kèm theo : **1 chứng từ gốc**  
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): **Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn./.**

Ngày 13 tháng 12 năm 2012

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người chi tiền</b>
(Ký họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông.

Mẫu số S03a – DNN

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - (Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
Hải An – Hải Phòng 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính : đ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		.....	.....
01/12	HĐ 0089412	01/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công Tùng Khánh.	131 511 333	35.000.000	31.818.182 3.181.818
02/12	PC 168	02/12	Thanh toán tiền chi phí tiếp khách đến làm việc với giám đốc.	642 133 111	3.625.000 362.500	3.987.500
05/12	PT 189	05/12	Thu tiền vận chuyển của công ty Tùng Khánh.	111 131	35.000.000	35.000.000
06/12	HĐ 0089428	06/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công ty Phúc Tiến.	131 511 333	169.950.000	154.500.000 15.450.000
10/12	PC 172	10/12	T/T tiền điện cho công ty điện lực	642 133 111	2.500.000 250.000	2.750.000
12/12	PC 173	12/12	T/T tiền xăng xe phục vụ vận chuyển hàng hóa	154 111	5.000.000	5.000.000
<b>13/12</b>	<b>BBTLT SCĐ</b>	<b>13/12</b>	<b>Ghi giảm TSCĐ</b>	<b>214 811 211</b>	<b>11.500.000 5.000.000</b>	<b>16.500.000</b>
<b>13/12</b>	<b>PT 195</b>	<b>13/12</b>	<b>Thu tiền nhượng bán máy photo</b>	<b>111 711 333</b>	<b>6.600.000</b>	<b>6.000.000 600.000</b>
....	.....	.....	.....	....	.....	.....
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711 911	6.000.000	6.000.000
31/12	PKT 85	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911 811	5.000.000	5.000.000
			Cộng lũy kế		5.578.964.518	5.578.964.518

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông

Mẫu số S03b- DNN

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Hải - Hải An – Hải Phòng

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 Năm 2012

Tên TK: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

DVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
13/12	PT 195	13/12	Thu tiền nhượng bán máy photo	111		6.000.000
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	6.000.000	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>6.000.000</b>	<b>6.000.000</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31/12/2012

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)



Mẫu số S03b- DNN

Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải - Hải An – Hải Phòng

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 Năm 2012

Tên TK: Chi phí khác

Số hiệu: 811

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
13/12	PKT 68	13/12	Giá trị còn lại của máy photo	211	5.000.000	
31/12	PKT 85	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		5.000.000
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31/12/2012

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

## **2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.**

### **2.2.6.1. Nội dung của xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.**

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của mình.

Cuối kỳ kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh, thu nhập khác, chi phí khác sang Tài khoản 911. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lỗ hoặc lãi.

- ❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định khi Công ty tiến hành nộp thuế, lúc đó thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và kế toán định khoản bằng bút toán

Nợ TK 821- Có Tk 3334.

### **2.2.6.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

✚ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.

✚ Tài khoản sử dụng:

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.

### **2.2.6.3. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.**

- Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu sang bên Có TK911. Kết chuyển chi phí sang bên Nợ TK911

-  $\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Số phát sinh Có TK911} - \text{Số phát sinh Nợ TK911}$

- Nếu kết quả kinh doanh nhỏ hơn 0, vậy tháng đó công ty làm ăn thua lỗ. Kế toán sẽ ghi:

Nợ TK 421 : kết quả bên trên

Có TK 911: kết quả bên trên

- Nếu kết quả kinh doanh lớn hơn 0 thì kế toán phải tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nhà nước sau đó hạch toán chi phí thuế TNDN vào TK 821  
 $\text{Thuế TNDN} = (\text{Số PS Có TK911} - \text{Số PS Nợ TK911}) * \text{thuế suất thuế TNDN}$

- Sau khi tính được số thuế TNDN thực tế phải nộp kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911 từ đó xác định lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421

#### **Trình tự hạch toán**

Cuối quý, năm kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số thuế TNDN phải nộp. Kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung và các sổ cái các tài khoản có liên quan.

#### 2.2.6.4. Ví dụ minh họa.

Cuối tháng 12/2012 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển trên phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kế toán vào nhật ký chung vào sổ cái TK911

#### **Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông**

Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải Phòng

### **PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số:80

Đơn vị tính:đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	1.204.934.000	
	911		1.204.934.000
<b>Cộng</b>		<b>1.204.934.000</b>	<b>1.204.934.000</b>

**Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông**

Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số:81

Đơn vị tính:đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.	515	387.425	
	911		387.425
<b>Cộng</b>		<b>387.425</b>	<b>387.425</b>

**Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông**

Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số:82

Đơn vị tính:đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>
Kết chuyển thu nhập khác	711	6.000.000	
	911		6.000.000
<b>Cộng</b>		<b>6.000.000</b>	<b>6.000.000</b>

**Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông**

Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số:83

Đơn vị tính:đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	885.487.900	
	632		885.487.900
<b>Cộng</b>		<b>885.487.900</b>	<b>885.487.900</b>

**Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông**

Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số:84

Đơn vị tính:đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	885.487.900	
	642		885.487.900
<b>Cộng</b>		<b>885.487.900</b>	<b>885.487.900</b>

**Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông**  
Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số:85

Đơn vị tính:đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>
Kết chuyển chi phí khác	911	5.000.000	
	811		5.000.000
<b>Cộng</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>

**Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông**  
Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số:86

Đơn vị tính:đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>
Kết chuyển chi phí tài chính	911	1.250.000	
	635		1.250.000
<b>Cộng</b>		<b>1.250.000</b>	<b>1.250.000</b>

**Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông**

Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số:87

Đơn vị tính:đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>
Chi phí thuế TNDN	821	40.996.546	
	3334		40.996.546
<b>Cộng</b>		<b>40.996.546</b>	<b>40.996.546</b>

**Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông**

Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số:88

Đơn vị tính:đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>
Kết chuyển thuế TNDN	911	40.996.546	
	821		40.996.546
<b>Cộng</b>		<b>40.996.546</b>	<b>40.996.546</b>

**Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông**

Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - Hải An – Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số:89

Đơn vị tính:đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>
Kết chuyển lãi	911	122.989.637	
	421		122.989.637
<b>Cộng</b>		<b>122.989.637</b>	<b>122.989.637</b>



Đơn vị: Công ty TNHH TM&VT An Phú Đông.

Mẫu số S03a – DNN

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông Hải - (Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

Hải An – Hải Phòng

14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính : đ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		.....	.....
01/12	HĐ 0089412	01/12	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho công Tùng Khánh.	131 511 333	35.000.000	31.818.182 3.181.818
02/12	PC 168	02/12	Thanh toán tiền chi phí tiếp khách đến làm việc với giám đốc.	642 133 111	3.625.000 362.500	3.987.500
...	....	....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	1.204.934.000	1.204.934.000
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	387.425	387.425
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711 911	6.000.000	6.000.000
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	885.487.900	885.487.900
31/12	PKT 84	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911 642	155.597.342	155.597.342
31/12	PKT 85	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911 811	5.000.000	5.000.000
31/12	PKT 86	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911 635	1.250.000	1.250.000
31/12	PKT 87	31/12	Chi phí thuế TNDN	821 3334	40.996.546	40.996.546
31/12	PKT 88	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	40.996.546	40.996.546
31/12	PKT 89	31/12	Kết chuyển lãi	911 421	122.989.637	122.989.637
			Cộng lũy kế		5.578.964.518	5.578.964.518

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số S03b- DNN

Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải - Hải An – Hải Phòng

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 Năm 2012

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		1.204.934.000
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		387.425
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		6.000.000
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	885.487.900	
31/12	PKT 84	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	155.597.342	
31/12	PKT 85	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	5.000.000	
31/12	PKT 86	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	1.250.000	
31/12	PKT 88	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	40.996.546	
31/12	PKT 89	31/12	Kết chuyển lãi	421	122.989.637	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.211.321.425</b>	<b>1.211.321.425</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông

Mẫu số S03b- DNN

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Hải - Hải An – Hải Phòng

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 Năm 2012

Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT 87	31/12	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3334	40.996.546	
31/12	PKT 88	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911		40.996.546
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>40.996.546</b>	<b>40.996.546</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31/12/2012

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông

Mẫu số S03b- DNN

Địa chỉ: Lô 19-32/37 Ngô Quyền – Đông

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Hải - Hải An – Hải Phòng

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 Năm 2012

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-
31/12	PKT 89	31/12	Kết chuyển lãi	911		122.989.637
			Cộng số phát sinh			122.989.637
			Số dư cuối kỳ			-

Ngày 31/12/2012

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.2.7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (báo cáo KQHĐKD):**

Báo cáo KQHĐKD là một BCTC phản ánh tóm lược các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cho một thời kỳ nhất định, bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và hoạt động khác

Báo cáo KQHĐKD được lập dựa trên báo cáo KQHĐKD kỳ trước và sổ kế toán trong kỳ của các tài khoản từ loại 5 đến loại 9 kỳ này. Phương pháp lập như sau:

*\* Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*

Phản ánh tổng số doanh thu về tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu được lấy từ tổng số dư có cuối kỳ trên sổ cái các TK 511, 512

*\* Doanh thu thuần (DTT):*

$DTT = DT \text{ bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ}$

*\* Giá vốn hàng bán:*

Phản ánh giá thành sản xuất của các sản phẩm, dịch vụ. Số liệu được lấy từ lũy kế phát sinh bên Có TK 632 đối ứng với bên Nợ TK 911

*\* Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:*

Phản ánh phần còn lại sau khi lấy DTT trừ (-) giá vốn hàng bán

*\* Doanh thu hoạt động tài chính:*

Phản ánh số DTT từ hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu dựa trên tổng số phát sinh lũy kế bên Nợ TK 515 đối ứng bên Có TK 911

*\* Chi phí tài chính:*

Phản ánh các chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ. Số liệu dựa vào số phát sinh Có TK 635 đối ứng bên Nợ TK 911

*\* Chi phí quản lý kinh doanh:*

Phản ánh tổng số chi phí quản lý kinh doanh trừ vào kết quả tiêu thụ trong kỳ. Số liệu dựa vào số phát sinh Có TK 642 đối ứng với bên Nợ TK 911

*\* Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh:*

Phản ánh tổng lợi nhuận thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính của công ty

*\* Thu nhập khác:*

Phản ánh thu nhập thuần từ các hoạt động phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu căn cứ vào tổng số phát sinh bên Nợ TK 711 đối ứng với bên Có TK 911

*\* Chi phí khác:*

Phản ánh tổng số chi phí khác thực tế phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu

căn cứ vào bảng tổng số phát sinh bên có TK 811 đối ứng với bên Nợ TK 911

\* *Lợi nhuận khác:*

Phản ánh số lợi nhuận thuần hay lỗ thuần từ các hoạt động khác

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

\* *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:*

LNKTTT = Lợi nhuận từ HĐKD + lợi nhuận khác

\* *Chi phí thuế thu nhập hiện hành:*

Chi phí thuế TN = Tổng LN kế toán trước thuế \* 25%

\* *Lợi nhuận sau thuế TNDN:*

LNST = Tổng LN kế toán trước thuế - chi phí thuế TNDN

Đơn vị: CT TNHH TM&VT An Phú Đông

Địa chỉ: lô 19 - 32/37 Ngô Quyền - Đông

Hải - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số B02-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		11.026.157.000	10.135.176.240
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		11.026.157.000	10.135.176.240
4. Giá vốn hàng bán	11		8.990.256.000	8.681.887.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.035.901.000	1.453.288.959
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		27.500.000	10.000.000
7. Chi phí tài chính	22		10.000.000	-
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.000.000	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		450.597.342	318.387.842
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		1.602.803.658	1.144.901.117
11. Thu nhập khác	31		21.500.000	-
12. Chi phí khác	32		11.000.000	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		10.500.000	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.613.303.658	1.144.901.117
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		403.325.915	286.225.279
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.209.977.743	858.675.838

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, đóng dấu)

## **2.3. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.**

Những khủng hoảng, biến động của nền kinh tế thị trường đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong những năm gần đây. Do đó, bên cạnh những thuận lợi Công ty phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Mặc dù vậy với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của Ban giám đốc công ty, sự năng động, sáng tạo nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, Công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

Để đạt được thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc một cách rõ ràng, phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông với việc nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông”***, em xin đưa ra một số nhận xét như sau:

### **2.3.1. Ưu điểm**

✚ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

✚ Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, mỗi kế toán viên đảm nhận chức năng, nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của các cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên. Các cán bộ kế toán có tính độc lập, trình độ, năng lực chuyên môn cao, có nhiệt tình và lòng yêu nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nhiều năm liền chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, trong hạch toán thống kê. Những thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, kịp thời nên việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng. Do vậy mà bộ máy công ty luôn ổn định và đảm bảo việc theo dõi, báo sổ hàng tháng của công ty luôn đúng hạn; giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của công ty và của Nhà nước. Điều này giúp cho công tác quản lý



của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng, đặc biệt là công tác quản lý doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh đã không ngừng được củng cố lớn mạnh và đạt hiệu quả cao.

#### Về hạch toán kế toán nói chung:

Nhìn chung, Công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như những chuẩn mực ban hành, cụ thể:

➤ *Chứng từ kế toán:* Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ tạo điều kiện cho hạch toán cũng như cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy, đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công nhiệm vụ rõ ràng.

➤ *Về sổ sách kế toán:* các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, lưu trữ theo đúng chuẩn mực và quy định của Nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Ưu điểm của hình thức này là tránh được việc ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu nhanh để lập báo cáo tài chính một cách chính xác.

➤ *Về tài khoản sử dụng:* Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

#### Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị. Cụ thể:

➤ *Về tổ chức kế toán doanh thu:* Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

➤ *Về công tác kế toán chi phí:* Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ nhằm

tránh lãng phí làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, hiện nay công tác hạch toán chi phí tại công ty đã bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

➤ *Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:* Công tác này tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác, giúp Ban lãnh đạo luôn nắm bắt được tình hình của công ty để đề ra chiến lược phát triển kinh doanh tốt trong kỳ tiếp theo.

### **2.3.2. Hạn chế**

Trong thời gian vừa qua, công ty đã cố gắng xây dựng bộ máy quản lý cũng như xây dựng bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện hơn nhằm hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý và công ty cũng đã đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm thì công tác hạch toán kế toán của công ty vẫn còn những hạn chế.

✚ *Về tổ chức công tác kế toán:*

Do bộ máy kế toán của công ty khá gọn nhẹ mà khối lượng công việc lại nhiều, trong khi đó công ty không sử dụng phần mềm kế toán nên việc xử lý các nghiệp vụ phát sinh còn chậm hay nhầm lẫn, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ... có thể ảnh hưởng đến tính chính xác, kịp thời của số liệu cung cấp cho người quản lý, đôi khi còn mắc phải những sai sót trong công tác hạch toán kế toán, trong việc đối chiếu các sổ với nhau và trong việc lập các báo cáo tài chính.

✚ *Về quá trình luân chuyển chứng từ:*

- Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban về cơ bản là đúng trình tự. Tuy nhiên, trong quá trình luân chuyển giữa các bộ phận, phòng ban này lại không có phiếu giao nhận chứng từ, điều này sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất, thất lạc.

- Quá trình luân chuyển chứng từ từ phía các phòng ban đến phòng kế toán công ty còn chậm trễ, các chứng từ được dồn lại và chuyển đến vào cùng một thời điểm, điều này gây ra tình trạng ứ đọng, làm tăng khối lượng công việc cho kế toán viên tại phòng kế toán công ty dẫn đến khi hạch toán dễ bị sai sót, nhầm lẫn.

✚ *Về tổ chức hệ thống sổ sách*

Công ty kinh doanh hai lĩnh vực thương mại và vận tải, trong đó vận tải là lĩnh vực chính. Khối lượng công việc phát sinh không nhiều nhưng lại phức tạp. Tuy nhiên, khi hạch toán doanh thu, chi phí công ty chỉ lập Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái cứ không mở sổ theo dõi chi tiết cho các tài khoản, đặc biệt là đối với tài

khoản 642 – chi phí sản xuất kinh doanh. Điều này gây khó khăn trong việc theo dõi, quản lý chi phí, kiểm tra, đối chiếu sổ sách kế toán.

Công ty không sử dụng các sổ Nhật kí đặc biệt như nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền... mà tất cả các nghiệp vụ phát sinh chỉ được hạch toán vào Nhật ký chung. Do đó, sẽ dẫn đến tình trạng khó theo dõi, kiểm soát được tình hình tiêu thụ của công ty vì các số liệu trên Nhật ký chung dày đặc và khó theo dõi

#### Về việc áp dụng các hình thức ưu đãi trong công tác bán hàng:

Trong quá trình tiêu thụ hàng hóa, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp là một yếu tố rất quan trọng, tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn một lượng lớn khách hàng. Trên thị trường, các khách hàng luôn muốn sử dụng những dịch vụ tốt nhất với nhiều ưu đãi. Nhưng hiện nay công ty không sử dụng đến các khoản giảm trừ doanh thu như: TK 5211 – chiết khấu thương mại, TK 5212 – hàng bán bị trả lại, TK 5213 – giảm giá hàng bán. Việc công ty không sử dụng hai tài khoản 5212, 5213 là hợp lý vì đặc thù của doanh nghiệp là chủ yếu kinh doanh dịch vụ vận tải, không xảy ra trường hợp hàng bán bị trả lại hay giảm giá hàng bán. Nhưng riêng việc công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng là một bất lợi. Thực tế cho thấy rằng việc các doanh nghiệp dành cho bên mua hưởng một số tiền do mua hàng, sử dụng dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận là một biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút được nhiều khách hàng mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ. Chính vì vậy, việc công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi: chiết khấu thương mại, đã làm mất đi cơ hội mở rộng thị trường của công ty, bên cạnh đó còn có thể làm mất đi các khách hàng thường xuyên làm giảm doanh thu dẫn đến hiệu quả kinh doanh của công ty không cao.

#### Về việc thu hồi nợ

Các khách hàng của công ty đa phần là các khách hàng truyền thống nhưng lại thanh toán chậm dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vốn kinh doanh bị tồn đọng làm ảnh hưởng lớn đến quá trình hoạt động kinh doanh của công ty. Số vòng quay vốn lưu động thấp dẫn đến hiệu quả kinh doanh không cao, công ty có thể bị mất đi cơ hội kinh doanh. Vậy nhưng công ty chưa thực sự quan tâm đến chính sách thu hồi nợ, cũng như chưa tiến hành trích các khoản dự phòng phải thu khó đòi nên không lường trước được rủi ro trong kinh doanh. Điều đó đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán, dễ gây đột biến chi phí dẫn đến sai lệch về xác định kết quả kinh doanh của kỳ đó.

Hiện nay công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này có thể dẫn đến việc khách hàng chậm thanh

toán, vòng quay vốn của công ty bị kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực tế đã cho thấy, việc giảm trừ cho người mua một khoản tiền khi người mua thanh toán tiền trước hạn trong hợp đồng sẽ kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn, tăng khả năng thu hồi vốn, khả năng quay vòng vốn và giảm các khoản đi vay cho công ty. Vì vậy, việc không sử dụng chiết khấu thanh toán của công ty là một thiếu sót, cần bổ sung.

# BÁO CÁO NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên khách hàng	Số tiền	Trong đó					
			Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn			Không đòi được
					(6 <sup>T</sup> - 1 <sup>N</sup> )	(1 <sup>N</sup> -2 <sup>N</sup> )	(>3 <sup>N</sup> )	
1	Công ty TNHH Tùng Khánh	108.560.000	108.560.000					
2	Công ty TNHH Phúc Tiến	127.950.000	127.950.000					
3	Công ty TNHH An Khánh	124.000.000		124.000.000				
4	Công ty TNHH Bình Hải	196.000.000			196.000.000			
5	Công ty CP xây lắp Hải Long	40.000.000	40.000.000					
6	Công ty CP Sáng Hương	8.560.000						8.560.000
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	<b>Cộng</b>	<b>2.318.547.800</b>	<b>1.146.861.800</b>	<b>952.673.200</b>	<b>210.452.800</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.560.000</b>

**Người lập**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

Dựa theo báo cáo trên thì công ty cần trích lập dự phòng đối với khoản nợ sau:

- Khoản nợ của Công ty TNHH Bình Hải theo biên bản đối chiếu công nợ có hạn thanh toán là 15/3/2012, đã quá hạn 9 tháng.

Đồng thời công ty phải xóa sổ khoản nợ sau:

- Khoản nợ của Công ty CP Sáng Hưởng phát sinh vào ngày 28/09/2011 được xác định là không thu hồi được do công ty này đã mất khả năng thanh toán (công ty giải thể).

✚ Về việc hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

Hiện công ty chưa quy định mức rõ ràng đối với các khoản chi phí như tiếp khách, chi công tác, điện thoại, điện nước... nên chưa hạn chế được các khoản chi phí này một cách hợp lý nhất làm tổng chi phí phát sinh trong kỳ còn cao.

✚ Về việc dự phòng những thiệt hại trong kinh doanh.

Với đặc thù là công ty dịch vụ vận tải, không giống như các loại hình doanh nghiệp khác như sản xuất, chế biến luôn lo ngại về những thiệt hại trong quá trình sản xuất hay vận chuyển sản phẩm vì nó ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và uy tín của của doanh nghiệp trên thị trường thì trong quá trình kinh doanh tại công ty An Phú Đông lại có phát sinh những thiệt hại như xe phải sửa chữa lớn, xe hỏng dọc đường đang lưu thông hay những thiệt hại bất thường khác trên đường như xe bị tai nạn hay vi phạm luật giao thông,... Nếu chưa có khoản trích trước chi phí cho các hoạt động này thì đến khi nó phát sinh sẽ đặt doanh nghiệp vào tình thế bị động, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

## **CHƯƠNG III:**

# **MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI AN PHÚ ĐÔNG**

### **3.1. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển của công ty trong thời gian tới.**

Trong thời gian sắp tới công ty sẽ tiếp tục phát huy những điểm mạnh và khắc phục một số điểm yếu nhằm hoàn thiện bộ máy kế toán nói riêng và bộ máy tổ chức toàn công ty nói chung. Về cơ bản:

Công ty tiếp tục phát triển theo định hướng chung của xã hội. Hoạch định cụ thể các chiến lược kinh doanh, chiến lược nguồn nhân lực, chiến lược tài chính và chiến lược thương hiệu.

Nâng cấp và thay thế một số trang thiết bị cần thiết, chú trọng áp dụng áp dụng những trang thiết bị hiện đại, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh.

Đồng thời công ty cũng sẽ quan tâm nhiều hơn đến chiến lược marketing nghĩa là lập kế hoạch marketing phù hợp, cân đối và hợp nhất chiến lược sản phẩm của công ty, chiến lược giá cả, chiến lược phân phối và chiến lược quảng cáo. Chiến lược marketing là sự cần thiết của công ty nhằm mục đích bước vào thị trường xác định và để người tiêu dùng biết đến sản phẩm của công ty nhiều hơn.

Trong thời gian tới công ty sẽ vẫn tiếp tục duy trì và nâng tầm đối tác. Cụ thể đối với những đối tác, những khách hàng, những nhà cung cấp lâu năm, gắn bó với công ty thì sẽ có những sự ưu ái đặc biệt như giảm giá, tặng quà ngày lễ.

Đối với mảng tài chính của công ty, trong thời gian sắp tới sẽ sử dụng phần mềm cho việc hạch toán nhằm giảm thiểu khối lượng cho phòng kế toán và thuận lợi hơn trong việc kiểm tra. Ngoài ra, sử dụng phần mềm và tạo danh mục hàng hóa, danh mục khách hàng, danh mục nhà cung cấp sẽ giúp cho bộ phận kế toán dễ dàng theo dõi công tác doanh thu, chi phí và cả vấn đề công nợ của công ty.

Hoạch định kế hoạch cụ thể nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao lợi nhuận của công ty.

Những mục tiêu cụ thể trong năm tiếp theo:

- Mở rộng thị trường tiêu thụ, tìm kiếm thêm nhiều đơn đặt hàng, mua sắm thêm TSCĐ ( xe container) để phục vụ được đầy đủ, nhanh chóng hơn nhu cầu của khách hàng, phấn đấu đạt được doanh thu 15tỷ đồng trong năm 2013, tăng 35,8% so với doanh thu năm 2012 (là 11.026.157.000 đ), trên cơ sở doanh thu trên công ty sẽ đóng góp cho nhà nước một khoản thuế không nhỏ, có thể là: hơn 500 triệu đồng.

- Từ việc tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí làm tăng lợi nhuận, doanh nghiệp đề ra kế hoạch nâng cao, quan tâm hơn tới đời sống của công nhân viên bằng cách phấn đấu tăng lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty để họ bớt lo những gánh nặng trong cuộc sống và từ đó họ có thể chuyên tâm, nhiệt tình, có trách nhiệm, cống hiến nhiều hơn với những công việc trong công ty.

### **3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.**

#### ***3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.***

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì mỗi doanh nghiệp phải lập được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của mình. Muốn vậy, trước hết công ty phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán là một bộ máy quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng các phương pháp khoa học, có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp. Việc lập báo cáo tài chính sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như nhà quản lý, nhà đầu tư, cơ quan thuế... một cách chính xác và cụ thể.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp là làm thế nào để tăng nhanh vòng quay vốn để duy trì tốt hoạt động kinh doanh của mình. Để đạt được điều đó thì kế toán công ty phải hoàn thiện tốt công tác bán hàng, vì:

- Công tác này sẽ giúp cho khối lượng kế toán được giảm nhẹ, cung cấp các thông tin chính xác cho nhà quản lý.



- Quá trình hoàn thiện này sẽ giúp cho việc tổ chức và luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo các thông tin trên báo cáo tài chính là chính xác và hợp lý.

### ***3.2.2. Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Công ty.***

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh một cách kịp thời, chính xác là điều hết sức quan trọng và cần thiết đối với các cơ quan chức năng, cụ thể:

+ Đối với cơ quan thuế: giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với ngân hàng: giúp cho việc thu hồi vốn và lãi.

+ Đối với khách hàng: thể hiện năng lực của doanh nghiệp và tạo được uy tín đối với khách hàng.

+ Đối với ban lãnh đạo của doanh nghiệp: giúp cho việc quản lý, điều hành, đưa ra phương hướng và kế hoạch cho kỳ kinh doanh tiếp theo. Phát huy thế mạnh và khắc phục điểm yếu để ngày càng hoàn thiện và phát triển hơn.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai. Đây là điều được đặc biệt quan tâm của cả doanh nghiệp và các bên liên quan.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi. Bất kỳ doanh nghiệp nào dù là tư nhân hay nhà nước đều có chung một mong muốn là tiết kiệm được chi phí, thu được lợi nhuận cao và phát triển công ty ngày càng vững mạnh.

### ***3.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn, đưa công tác kế toán đi vào nề nếp hoạt động. Với các doanh nghiệp, việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt hiệu quả cao trong kinh doanh. Việc hoàn thiện cần phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước quy định nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện hoạt động kinh doanh có hiệu quả, do đó phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

### ***3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông.***

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông, được sự chỉ bảo tận tình của các anh, chị phòng kế toán của công ty, em đã có cơ hội tìm hiểu hoạt động tổ chức kinh doanh và thực trạng công tác kế toán tại công ty. Dưới góc độ một sinh viên thực tập em xin đưa ra một số ý kiến về phương hướng hoàn thiện những tồn tại trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau

#### ***➤ Kiến nghị 1: Về việc hoàn thiện hệ thống sổ kế toán.***

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô, quy trình kinh doanh và mục đích quản trị tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện nên bao gồm cả hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Tuy nhiên khi hạch toán kế toán, công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông mới chỉ ghi sổ Nhật ký chung và Sổ Cái. Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại công ty, em nhận thấy công ty nên lập các Sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản chi phí, đồng thời cũng nắm rõ được tình hình phát sinh, tăng giảm của từng loại chi phí, từ đó, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý chi phí một cách chính xác, có hiệu quả hơn.

Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

SHTK: 6422

Tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đ

NT GS	CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK								
	SH	NT			Tổng	Chia ra							
						64221	64222	64223	64224	64227	64228	...	
...	...	...	.....	...	.....								
02/ 12	PC 168	02/ 12	Thanh toán tiền chi phí tiếp khách đến làm việc với giám đốc.	111	3.625.000							3.625.000	
...	...	...	.....	...	.....								
31/ 12	PKT 45	31/ 12	Chi phí tiền lương tháng 12/2012	334 338	78.000.000 17.940.000	78.000.000 17.940.000							
			<b>Cộng</b>		<b>155.597.342</b>	<b>95.940.000</b>	<b>5.121013</b>	<b>1.567.848</b>	<b>2.543.766</b>	<b>10.042.548</b>	<b>15.625.000</b>	<b>...</b>	

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 6422 – chi phí quản lý doanh nghiệp, chi tiết cho các tiểu khoản giúp ta tách biệt rõ được các khoản chi phí đó là chi phí gì, đồng thời việc mở sổ chi tiết cũng giúp doanh nghiệp nắm rõ được tình hình phát sinh, tăng giảm của từng loại chi phí đó như thế nào và có hợp lý không, từ đây giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp để quản lý những chi phí này một cách chính xác, có hiệu quả hơn.

➤ ***Kiến nghị 2: Thực hiện công tác phân tích chi phí nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh.***

Trên thực tế, doanh nghiệp muốn góp phần tăng cường công tác quản lý chi phí thì phải căn cứ vào sự biến động của các khoản mục cấu thành nên chi phí. Do đó, Công ty nên phân tích chi phí kinh doanh theo các khoản mục cấu thành nên nó để giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, đột biến, vượt quá so với định mức quy định, hoặc vượt quá so với kỳ trước đó để xác định hiệu quả kinh tế do các khoản chi phí này mang lại. Từ đó, giúp các nhà quản lý đưa ra được những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí cho Công ty.

Công ty có thể tiến hành phân tích chi phí theo khoản mục cấu thành như bảng sau:

**BẢNG PHÂN TÍCH CÁC KHOẢN MỤC CẤU THÀNH CHI PHÍ KINH DOANH**  
 Quý IV năm 2012

Chỉ tiêu	Tháng 10		Tháng 11		Tháng 12	
	Số tiền (đ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đ)	Tỷ trọng (%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	110.344.775	100	124.788.884	100	155.597.342	100
Chi phí nhân viên quản lý	95.940.000	86,95	95.940.000	76,89	95.940.000	61,66
Chi phí đồ dùng văn phòng	952.677	0,86	825.779	0,66	1.567.848	1,01
Chi phí KHTSCĐ	...	...	...	...	...	...
Thuế, phí và lệ phí	...	...	...	...	...	...
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.463.768	4,95	6.565.652	5,26	10.042.548	6,45
Chi phí bằng tiền khác	8.985.675	8,14	9.532.574	7,64	17.625.000	11,33

Nhìn chung, các khoản chi phí của Công ty trong quý IV khá là ổn định, chỉ có những khoản chi phí như chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác là trong tháng 12 có tăng lên nhiều so với tháng 10 và 11, đặc biệt là chi phí bằng tiền khác đã tăng đột biến từ 9.532.574 đ (tháng 11) lên 17.625.000 đ (tháng 12) tăng 8.092.426 đ trong vòng 1 tháng, điều này đặt ra dấu hỏi chấm cho nhà quản lý công ty, tại sao chi phí lại tăng lên nhiều như vậy trong một khoảng thời gian ngắn. Từ đó, các nhà quản lý sẽ có hướng đi tìm các nguyên nhân và đề ra những biện pháp khắc phục tốt cho tình trạng trên. Nếu ta không tiến hành lập bảng phân tích chi phí như trên, người quản lý sẽ chỉ thấy được chi phí tăng thêm một cách chung chung mà không thấy rõ được nguyên nhân chính xác nằm ở đâu, từ đó rất khó để đưa ra được những giải pháp kịp thời và có tính chính xác cao. Ngoài ra, việc tính tỷ trọng của các thành phần chi phí đối với tổng chi phí sẽ giúp cho nhà quản lý thấy được cơ cấu của chi phí một cách rõ ràng, từ đó, họ dựa trên đặc điểm sản xuất của công ty mình để điều chỉnh cơ cấu sao cho hợp lý và hiệu quả nhất.

Chi phí là các khoản chi của doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện doanh thu. Do đó, việc sử dụng tiết kiệm, hợp lý các khoản chi phí của doanh nghiệp sẽ có ảnh hưởng lớn tới hiệu quả kinh doanh của công ty. Tiết kiệm chi phí là làm giảm lượng tiêu hao vật chất trên một đơn vị sản phẩm, làm tăng khối lượng sản phẩm, dịch vụ sản xuất ra, làm giảm giá thành của hàng hóa, dịch vụ cung cấp và làm tăng lợi nhuận cho công ty. Với ý nghĩa đó tiết kiệm chi phí đã và đang là mục tiêu phấn đấu của các công ty, các doanh nghiệp trong mọi thành phần kinh tế.

Đối với công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông, để tiết kiệm chi phí, nâng cao doanh thu, em xin đưa ra một số biện pháp sau:

Mua vật tư, phụ tùng cần thiết cho quá trình sửa chữa và làm mới xe container phải mua ở những nơi có nguồn gốc tin cậy, đảm bảo, không mua hàng có nguồn gốc xuất xứ không rõ ràng, chất lượng không đảm bảo, chống lãng phí khi mua nguyên nhiên liệu, hạn chế mua hàng nhiều nguồn sẽ khó khăn trong việc quản lý giá cả và nguồn gốc vật tư.

Chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm hai khoản chi phí là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, nhưng do đặc thù hoạt động kinh doanh của công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải mà chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí (cả hai chi phí này đều được tập hợp trong tài khoản 642). Do đó, giải pháp chủ yếu cần tập trung làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Trước hết, công ty cần có những giải pháp làm giảm chi phí không cần thiết như: chi phí điện, nước, điện thoại... để tránh sử dụng tràn lan công ty có thể quy định định mức cụ thể với từng khoản mục. Đối với khoản chi phí tiếp khách, hội họp,... công ty cần quy định cụ thể số tiền hợp lý được chi cho từng hoạt động... Ngoài ra công ty nên phổ biến những chính sách thực hiện tiết kiệm đến cán bộ công nhân viên, yêu cầu mọi người cùng phối hợp thực hiện với chính sách khen thưởng, xử phạt phân minh.

Quản lý tốt chi phí kinh doanh là một vấn đề mà doanh nghiệp nào cũng cần quan tâm. Tiết kiệm được chi phí đồng nghĩa với việc lợi nhuận của doanh nghiệp tăng lên. Đây là hai chỉ tiêu chất lượng quan trọng phản ánh trình độ quản lý kinh doanh của một doanh nghiệp. Quy mô của hai loại chi phí này lớn hay nhỏ đều ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của công ty. Để tiết kiệm được chi phí này, công ty phải quản lý chặt chẽ theo từng yếu tố chi phí phát sinh, có kế hoạch, sắp xếp công việc kinh doanh một cách khoa học, hợp lý, có kế hoạch dự kiến cho từng khoản chi phí sử dụng, tránh tình trạng chi phí vượt nhiều so với kế hoạch. Để có thể thực hiện được điều này, công ty phải tiến hành phân công công việc, giám sát quá trình thực hiện công việc một cách nghiêm túc, đối với những công việc phải tiêu tốn một khoản chi phí lớn thì nên đưa ra nhiều phương án để lựa chọn, phương án nào tiết kiệm được chi phí, đem lại hiệu quả cao thì lựa chọn. Điều đó giúp công ty giảm thiểu rủi ro và tránh được sự bị động khi gặp sự cố.

➤ ***Kiến nghị 3: Về chính sách thu hồi nợ và việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.***

Công tác thu hồi nợ của công ty còn nhiều hạn chế, nhiều khoản thu đến ngày mà không thể thu được. Vậy vấn đề đặt ra lúc này là phải đưa ra giải pháp, chính sách thu hồi nợ động giúp công ty thu hồi các khoản thu nhanh chóng và rút ngắn vòng quay vốn. Để thực hiện thành công chính sách thu hồi nợ thì công ty nên áp dụng biện pháp sau:

- Có các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi khách hàng mua hàng mà chưa thanh toán: lựa chọn khách hàng cho chậm thanh toán, giới hạn giá trị tín dụng, yêu cầu đặt cọc, tạm ứng hay trả trước một phần giá trị đơn hàng,...

- Có chính sách bán chịu phù hợp với từng khách hàng, khi bán chịu cho khách hàng phải xem xét kỹ khả năng thanh toán của khách hàng trên cơ sở hợp đồng kinh tế đã ký kết.

- Có sự ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng bán hàng, nếu vượt quá thời gian thanh toán trong hợp đồng thì doanh nghiệp được thu lãi suất tương ứng với lãi suất quá hạn của Ngân hàng tại thời điểm hiện tại. Cần có các quy định cụ thể trong việc thanh toán như áp dụng chặt chẽ thưởng phạt phân minh, từ mềm mỏng đến cứng rắn để thu hồi nợ. Công ty nên áp dụng chính sách “*Chiết khấu thanh toán*” cho khách hàng thường xuyên có uy tín, thanh toán luôn đúng và trước hạn. Còn đối với việc trả chậm sau hạn thì có thể tính lãi hoặc áp dụng các biện pháp xử phạt... có như vậy công ty mới nhanh chóng thu hồi được vốn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ *Chiết khấu thanh toán* là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tránh tình trạng bị chiếm dụng vốn. Trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của công ty.

Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán một cách có hiệu quả, trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Công ty có thể xác định mức chiết khấu cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào hoạch định chính sách kinh doanh của doanh nghiệp.
- *Dưới đây là mức chiết khấu thanh toán công ty có thể tham khảo:*
  - Nếu khách hàng thanh toán tiền trước 1/3 thời gian của thời hạn thanh toán thì được hưởng mức chiết khấu 0.5%.
  - Nếu khách hàng thanh toán tiền trước 2/3 thời gian của thời hạn thanh toán thì được hưởng mức chiết khấu 1%.
- *Phương pháp hạch toán:*

Công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635-Chi phí tài chính ( phản ánh khoản chi phí công ty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu cho khách hàng thanh toán trước hạn).

+ Khi công ty phát sinh khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng, kế toán ghi:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán

Có TK 111, 112, 131: Tổng số tiền trả lại hặc giảm nợ cho khách hàng.



+ Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911:	Xác định kết quả kinh doanh
Có TK 635:	Chiết khấu thanh toán

**Ví dụ:** Dựa vào sổ chi tiết TK 131 đối tượng công ty TNHH Phúc Tiến. Đối với hợp đồng bán hàng theo hóa đơn số 0089428 ngày 06/12/2012, tổng số tiền thanh toán là 169.950.000 đồng (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Theo hợp đồng bán hàng này, công ty TNHH Phúc Tiến có thời hạn thanh toán là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Nhưng công ty TNHH Phúc Tiến đã thanh toán vào ngày 19/12/2012 số tiền 169.950.000 đồng. Như vậy công ty TNHH Phúc Tiến đã thanh toán trước thời hạn 32 ngày cho nên số tiền chiết khấu thanh toán được hưởng là:

$$\text{Số tiền chiết khấu} = 1\% \times 169.950.000 = 1.699.500 \text{ (đồng)}$$

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635:	1.699.500
Có TK 131:	1.699.500

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911:	1.699.500
Có TK 635:	1.699.500

Ta có thể thấy rằng với số tiền 169.950.000, nếu công ty phải đi vay ngân hàng thì số tiền lãi mà công ty phải trả trong 1 tháng sẽ là:

$$1,54\% \times 169.950.000 = 2.617.230 \text{ đồng}$$

So sánh giữa số tiền lãi vay ngân hàng với số chiết khấu thanh toán cho người mua hưởng, công ty sẽ có lợi :  $2.617.230 - 1.699.500 = 917.730$  (đồng). Từ đây cho thấy rằng việc áp dụng chiết khấu thanh toán là việc làm cần thiết cho sự tồn tại của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường như hiện nay.

➤ **Kiến nghị 4: Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên BCTC của năm báo cáo.

- *Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi*

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

- *Phương pháp xác định*

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

- *Mức trích lập:* (Theo thông tư 228/2009/TT- BTC ngày 7/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

- + ) 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + ) 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + ) 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + ) 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- + ) Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- *Tài khoản sử dụng:* TK 1592
- *Phương pháp hạch toán.*

- Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642:

Có TK 1592:

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí:

Nợ TK 1592:

Có TK 642:

- Xóa nợ

Nợ TK 1592: Nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK 642: Nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK 131,138

Đồng thời ghi Nợ TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý.

Các khoản nợ phải thu khó đòi, sau khi có quyết định xử lý xóa sổ, công ty vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và trên tài khoản 004 trong thời gian tối thiểu là 5 năm và tiếp tục có các biện pháp thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711

**Ví dụ:** Tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông trong năm 2012 có phát sinh các khoản nợ phải thu quá hạn (dưới 1 năm) là 210.452.800 đồng và theo quy định công ty cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là: 63.135.840 đồng (30% x 210.452.800). Đối với khoản nợ không đòi được của Công ty cổ phần Sáng Hường là 8.560.000 đồng, công ty cần xóa sổ cho khách hàng.

+) Vậy kế toán công ty sẽ trích lập dự phòng giá trị khoản nợ phải thu quá hạn trên:

Nợ TK 642:           63.135.840

Có TK 1592:       63.135.840

+) Còn đối với khoản nợ không đòi được của công ty cổ phần Sáng Hường, công ty đã nhiều lần cử nhân viên đến đòi nợ nhưng vẫn không đòi được và hiện giờ công ty Sáng Hường đã giải thể nên khoản nợ không đòi được này cần được kế toán thực hiện xóa sổ khỏi sổ sách kế toán:

Nợ TK 1592:           8.560.000

Có TK 131:           8.560.000

Vậy trích lập dự phòng phải thu khó đòi giúp công ty chủ động được khả năng tài chính của mình, đảm bảo được sự phù hợp giữa doanh thu, chi phí phát

sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty không bị biến động khi phát sinh các khoản nợ không đòi được.

➤ ***Kiến nghị 5: Trích trước chi phí để phòng những thiệt hại trong kinh doanh.***

Đối với các công ty dịch vụ, nhất là dịch vụ vận tải, những khoản thiệt hại trong quá trình lưu thông luôn luôn thường trực trên mỗi tuyến đường. Vì vậy, công ty phải có kế hoạch trích trước những chi phí nhất định và thường trực cho những thiệt hại bất thường cũng như những thiệt hại có kế hoạch khi xảy ra. Công ty nên trích trước khoản chi phí sửa chữa lớn để trang trải cho những thiệt hại khi xe lưu thông như tai nạn, vi phạm giao thông hay khi xe phải ngừng hoạt động để tu bổ, sửa chữa...

Dựa vào kết quả kinh doanh năm trước, công ty sẽ đưa ra kế hoạch chi tạm thời về chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và sử dụng tài khoản 335 để hạch toán. Đây là tài khoản dùng để hạch toán những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh, nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi các khoản chi trả thực tế phát sinh sẽ không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

- Khi trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh số chi sửa chữa lớn TSCĐ dự tính sẽ phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 335 – Chi phí phải trả

- Khi công việc sửa chữa lớn hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, kế toán kết chuyển chi phí thực tế phát sinh thuộc khối lượng công việc sửa chữa lớn TSCĐ đã được dự tính trước vào chi phí, kế toán ghi:

Nợ TK 642 (Nếu số đã chi lớn hơn số trích trước)

Nợ TK 335 (Số đã trích trước)

Có TK 241 (2413 – tổng chi phí thực tế phát sinh)

Có TK 642 (Nếu số đã chi nhỏ hơn số trích trước)

## KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu, đề tài đã đạt được những kết quả:

➤ *Về mặt lý luận*: hệ thống hóa được những lý luận liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo chế độ kế toán hiện hành.

➤ *Về mặt thực tế*: trên cơ sở những lý luận, đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông trong một kỳ kế toán của năm 2012 theo chế độ kế toán hiện hành và từ đó thấy được những ưu điểm trong công tác kế toán tại đơn vị như sau:

+ *Về tổ chức bộ máy kế toán*: bộ máy kế toán được tổ chức một cách hệ thống, có kế hoạch và sự phối hợp chặt chẽ, hoạt động liên tục đảm bảo cung cấp các thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

+ *Về hệ thống chứng từ kế toán*: xây dựng hệ thống chứng từ, tài khoản được vận dụng theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

+ *Về sổ sách kế toán*: các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, lưu trữ theo đúng chuẩn mực và quy định của Nhà nước

+ *Hình thức kế toán áp dụng*: Hình thức kế toán Nhật ký chung với ưu điểm tránh được việc ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu nhanh để lập báo cáo tài chính một cách chính xác.

+ *Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*: doanh nghiệp đã gắn liền giữa tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty với những nguyên tắc trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép đầy đủ, chính xác, chi tiết và đảm bảo nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí. Đồng thời, việc tập hợp các khoản mục doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh luôn được thực hiện kịp thời và chính xác.

Tuy nhiên, Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

+ Công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh, góp phần rút ngắn thời gian thu hồi vốn.

+ Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi trong khi các khoản nợ phải thu của Công ty trong năm là khá lớn.

+ Công ty chưa trích trước chi phí đề phòng những thiệt hại trong kinh doanh để tránh được tình thế bị động khi có sự cố xảy ra và không gây khó khăn cho tình hình tài chính của doanh nghiệp.

+ Khi hạch toán doanh thu, chi phí công ty chỉ lập Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái cứ không mở sổ theo dõi chi tiết cho các tài khoản, điều này gây khó khăn trong việc theo dõi, quản lý chi phí, kiểm tra, đối chiếu sổ sách kế toán.

+ Công ty chưa thực hiện công tác phân tích chi phí nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh.

Trên cơ sở phân tích và thấy được các ưu, nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải An Phú Đông như trên, đề tài đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý như sau:

- Kiến nghị Công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán tùy thuộc thời gian thu hồi các khoản nợ cũng như mức lãi suất trên thị trường tại từng thời điểm.

- Kiến nghị Công ty trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

- Kiến nghị Công ty sử dụng sổ Chi phí sản xuất kinh doanh vào công tác hạch toán để hoàn thiện hơn hệ thống sổ sách của công ty.

- Kiến nghị Công ty tiến hành thực hiện công tác phân tích chi phí nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh.

- Kiến nghị Công ty trích trước chi phí đề phòng những thiệt hại trong kinh doanh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (2010), “*Chế độ kế toán doanh nghiệp ( Quyển 1, Quyển 2)*” NXB Giao thông vận tải.  
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
2. PGS.TS. Nguyễn Văn Công (2009), “*Kế toán doanh nghiệp*”, NXB Tài Chính
3. GS – TS. Ngô Thế Chi và TS. Trương Thị Thủy (2008), “*Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*”, NXB Tài chính
4. TS. Nguyễn Phú Giang (2010), “*Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*” NXB Tài chính
5. Bùi Văn Trường (2006), “*Kế toán chi phí*”, NXB Thống Kê